



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT (DLR)

Địa chỉ : 25 -Trần Phú - Phường 3 - Đà Lạt - Điện thoại : 0263 3.822243 – Fax: 02633.821433
Website: dalatreal.com.vn – E-mail: dalatrealjsc@dalatreal.com.vn

Số: 16/TB-HDQT

THÔNG BÁO

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 VÀ NHIỆM KỲ (2024-2029) CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT ---o0o---

Hội đồng quản trị Công ty CP Địa ốc Đà Lạt trân trọng Thông báo và kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 và Nhiệm kỳ (2024-2029) của Công ty.

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM ĐẠI HỘI VÀ THÀNH PHẦN THAM DỰ:

- Thời gian họp: 8g00 ngày 18 tháng 9 năm 2024
- Địa điểm họp: Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt
25 Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Thành phần tham dự: Tất cả các cổ đông có tên trong Sổ cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông (ngày 26 /8/2024). Cổ đông không tham dự có thể ủy quyền cho người khác tham dự và việc ủy quyền phải được lập thành văn bản (theo mẫu của Công ty CP Địa ốc Đà Lạt).

II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

Đại hội sẽ cùng thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

1. Miễn nhiệm, bầu thành viên HĐQT, BKS.
2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và hết nhiệm kỳ.
3. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017-2023 và kế hoạch năm 2024 của Ban Tổng giám đốc.
4. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty.
5. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS.
6. Thông qua tờ trình chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2024.
7. Tờ trình về phê duyệt Phương án vay, huy động vốn và Quyết định đầu tư Dự án.

III. TÀI LIỆU PHỤC VỤ ĐẠI HỘI:

* Quý cổ đông có thể lấy tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông trên Website của Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt: dalatreal.com.vn từ ngày 30/8/2024;

* Để chuẩn bị cho việc bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ (2024-2029), quý cổ đông thực hiện theo Quy chế bầu cử; Thông báo về các tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử, đề cử thành

viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ (2024-2029) theo các mẫu biểu được đính kèm và được đăng tải trên Website của Công ty.

IV. THỜI GIAN ĐĂNG KÝ VÀ XÁC NHẬN THAM DỰ ĐẠI HỘI VÀ CHỐT DANH SÁCH ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ HĐQT, BKS NHIỆM KỲ (2024-2029):

- Để thuận tiện cho công tác tổ chức Đại hội, Quý cổ đông vui lòng phản hồi về nội dung chương trình Đại hội (nếu có) và giấy xác nhận tham dự Đại hội (theo mẫu) trước ngày 13/9/2024 và gửi hồ sơ ứng cử, đề cử vào HĐQT, BKS nhiệm kỳ (2024-2029) (theo mẫu) qua đường Bưu điện trước 16h30 ngày 07/9/2024 tại địa chỉ:

- Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Địa ốc Đà Lạt
- Địa chỉ : 25 Trần Phú - Phường 3 - Thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng
- Email: hdqt@dalatreal.com.vn ;
- Ngoài phong bì cần ghi rõ “**Hồ sơ xác nhận việc tham dự Đại hội**”; “**Hồ sơ ứng cử/ đề cử vào HĐQT, BKS**”.

* *Lưu ý:* Người được đề cử, ứng cử vào HĐQT, BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực nội dung hồ sơ ứng cử, đề cử của mình.

- Khi đi dự Đại hội, Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng mang theo CCCD/Hộ chiếu, giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền) để đăng ký tư cách cổ đông tham dự Đại hội. Mọi chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí khác do cổ đông tự trang trải.

Thông báo này được thay cho Giấy mời;

Trân trọng Thông báo và kính mời!

Đà Lạt, ngày 28 tháng 8 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trịnh Ngọc Thanh

14	Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.	Ban TGD	10h35 – 10h50 (15 phút)	
15	Thông qua tờ trình chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính của năm 2024	BKS	10h50 – 10h55 (5 phút)	
16	Tờ trình về phê duyệt phương án vay, huy động vốn và Quyết định đầu tư Dự án.	Ban TGD	10h55 – 11h05 (10 phút)	
17	Thảo luận và biểu quyết		11h05 – 11h25 (15 phút)	ĐH biểu quyết bằng thẻ
18	Thông qua kết quả biểu quyết	Thư ký	11g25-11g35 (10 phút)	
19	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Thư ký	11g35-11g50 (15 phút)	
20	Bế mạc ĐH	HDQT	11g50-12g00 (10 phút)	

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Số: 18 /TTr-HĐQT

Đà Lạt, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: **Đại hội Đồng Cổ Đông Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt**
Thường niên 2024 và Nhiệm kỳ (2024-2029)

TỜ TRÌNH

V/v Các nội dung trình và thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2024
và Nhiệm kỳ (2024-2029)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Địa ốc Đà Lạt;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 đã kiểm toán và kết hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt kính trình Đại hội Đồng cổ đông xem xét các nội dung sau để cùng thảo luận, cho ý kiến đóng góp và biểu quyết thông qua tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 và Nhiệm kỳ (2024-2029), cụ thể như sau:

1. Miễn nhiệm, bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2024 và hết nhiệm kỳ.
3. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017-2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Ban Tổng Giám đốc.
4. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty.
5. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
6. Thông qua tờ trình chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính của năm 2024.
7. Tờ trình về phê duyệt phương án vay, huy động vốn và Quyết định đầu tư Dự án.

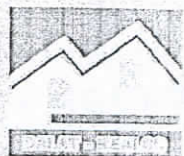
Các nội dung sẽ được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trình bày chi tiết tại Đại hội.

Kính trình Đại hội Đồng cổ đông xem xét, thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRỊNH NGỌC THANH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT (DLR)

Địa chỉ: 25 Trần Phú- Phường 3- Tp Đà Lạt - ĐT : 02633.822243 – Fax: 02633.821433

Website: dalatreal.com.vn – E-mail: dalatrealjsc@com.vn

NGUYÊN TẮC THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

---o0o---

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020 số: 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều Lệ Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt
- Căn cứ Nội quy làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Việc biểu quyết, kiểm phiếu thông qua các nội dung Tờ trình của ĐHĐCĐ thường niên 2024 Công ty Cổ phần địa ốc Đà Lạt theo quy tắc và thể lệ sau đây:

1. Mọi Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt phải được biểu quyết công khai trực tiếp;

2. Mỗi cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự kỳ họp có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu và được ủy quyền (nếu có);

3. Các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội và các vấn đề khác chỉ có giá trị khi được số cổ đông sở hữu và đại diện sở hữu cổ phần từ 65% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự họp đồng ý;

4. Thể lệ biểu quyết: *Biểu quyết bằng cách đưa cao thẻ biểu quyết*

Khi đăng ký tham dự Đại hội; Ban tổ chức sẽ cấp cho mỗi cổ đông, đại diện cổ đông có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết; trên đó có ghi tên cổ đông, mã cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và được ủy quyền) của cổ đông đó và có đóng dấu treo của Công ty. Thẻ biểu quyết chung được sử dụng để biểu quyết các vấn đề sau:

- Thông qua thành phần Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu;
- Thông qua nguyên tắc, thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu;
- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội;
- Các nội dung cần biểu quyết và lấy ý kiến tại Đại hội.

Việc biểu quyết các vấn đề trên tại Đại hội được tiến hành bằng hình thức đưa cao thẻ biểu quyết chung. Ban kiểm phiếu sẽ trực tiếp đếm số thẻ, tổng hợp kết quả và báo cáo cho Đại hội.

Thẻ biểu quyết hợp lệ là thẻ do Ban tổ chức phát hành in sẵn theo mẫu và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Địa ốc Đà Lạt (Dalat-Realco).

* *Cách thức biểu quyết:*

Chủ tọa Đại hội sẽ yêu cầu cổ đông biểu quyết các nội dung bằng cách ngò tại chỗ và đưa cao các phiếu biểu quyết: “Tán thành”, “Không tán thành”, “không ý kiến”.

Như vậy, theo sự điều khiển của chủ tọa:

- Lần thứ 1: Cổ đông đưa cao các phiếu tán thành;
- Lần thứ 2: Cổ đông đưa cao các phiếu không tán thành;
- Lần thứ 3: Cổ đông đưa cao các phiếu không ý kiến

Sau mỗi lần biểu quyết, Ban kiểm phiếu hoặc Ban tổ chức sẽ ghi nhận tỷ lệ biểu quyết tương ứng với số cổ phần của cổ đông biểu quyết, tổng hợp kết quả biểu quyết và báo cáo cho Đại hội;

Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu này được áp dụng trong suốt thời gian hoạt động của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt và có hiệu lực ngay sau khi được đại hội thông qua.

Đà Lạt, ngày 28 tháng 8 năm 2024

TM. Ban Tổ chức Đại Hội

Trưởng Ban



Trịnh Ngọc Thanh



Số: 17/BC/HĐQT-DLR

Đà Lạt, ngày 28 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT NĂM 2024 VÀ NHIỆM KỲ (2017-2024)
ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ (2024-2029)
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024)**

---o0o---

Kính thưa Quý vị đại biểu;

Kính thưa Quý cổ đông.

Thực hiện Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên của năm tài chính 2024, Hội Đồng Quản Trị công ty báo cáo với quý cổ đông về tình hình thực hiện nhiệm vụ của HĐQT và việc HĐQT thực hiện quyền chỉ đạo, giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2024 và nhiệm kỳ (2017-2024); Định hướng hoạt động nhiệm kỳ (2024-2029) như sau:

PHẦN I

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024 VÀ NHIỆM KỲ II (2017-2024):

Với vai trò là đại diện cho cổ đông của Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty trong năm 2024 và nhiệm kỳ (2017-2024) đã có nhiều cố gắng, chủ động giải quyết những công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT theo quy định của Điều Lệ và theo pháp luật. Thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc, bộ máy giúp việc của Công ty trong các mặt hoạt động.

Năm 2017 Công ty CP Địa ốc Đà Lạt ban hành Nghị quyết số 07/2017/NQ/HĐQT-DLR ngày 03/8/2017 thống nhất hoãn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 dự kiến tổ chức ngày 05/8/2017 cho đến khi có phán quyết cuối cùng có hiệu lực pháp luật của Tòa án để xác định quyền sở hữu đối với số cổ phiếu đang tranh chấp là 1.323.036 cổ phiếu, tương ứng 29,4% vốn điều lệ công ty bị phong tỏa và đang trong quá trình xét xử của Tòa án nhân dân quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Mặt khác, các thành viên HĐQT đồng thời cũng là các cổ đông lớn cũng chưa thống nhất được việc tổ chức ĐHCĐ hằng năm, do đó Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm và ĐHCĐ nhiệm kỳ 2018-2022 không thể thực hiện được.



Kể từ năm 2017 đến nay, do tranh chấp cổ phiếu của cổ đông lớn cũng như sự không đồng thuận của một số thành viên HĐQT dẫn đến các hoạt động của HĐQT gặp rất nhiều khó khăn, các nghị quyết cấp bách xin ý kiến của các thành viên thông qua lấy ý kiến bằng văn bản theo Điều lệ còn các cuộc họp trực tiếp không thể thực hiện được, dẫn đến các hoạt động của HĐQT diễn ra một cách cầm chừng và dẫn đến hoạt động của người đại diện pháp luật của Công ty là Chủ tịch HĐQT cũng như Ban điều hành gặp rất nhiều khó khăn vướng mắc.

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính của Công ty trong các năm qua như sau:

CHỈ TIÊU	ĐV tính	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	14,252	4,577	(4,254)	(11,410)	(16,724)	(17,088)	(16,712)
Doanh thu thuần	Triệu đồng	50,303	42,956	38,441	30,205	11,575	18,631	17,029
EBIT (Thu nhập trước thuế và lãi vay)	Triệu đồng	(9,877)	(5,844)	(3,777)	(2,174)	(1,889)	2,484	2,210
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(14,424)	(9,674)	(8,830)	(7,157)	(5,313)	(365)	375
Hệ số lãi ròng (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu)								2.20%
Suất sinh lời của tài sản (ROA)								0.7%
Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	Đồng							83

2. Các hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Nhiệm kỳ III của HĐQT từ năm 2018-2022 chưa được bầu lại vì không tổ chức được ĐHĐCĐ thường niên từ 2017 đến nay; HĐQT gồm 05 thành viên, có một chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật của công ty là Ông Trịnh Ngọc Thanh.

- Trong nhiệm kỳ công ty có nhiều thay đổi trong Ban điều hành như sau:

+ HĐQT Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với Ông Ngô Phước kể từ ngày 07/11/2016 và Bổ nhiệm Bà Lê Thị Kim Chính giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 07/11/2016

+ HĐQT Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc với ông Nguyễn Đức Bảo từ ngày 25/9/2017;

+ HĐQT bổ nhiệm Ông Đinh Thanh Tâm giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 09/02/2021 và bổ nhiệm Ông Phạm Văn Dương giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc từ ngày 09/4/2021;

+ HĐQT bổ nhiệm Bà Cao Thị Hoa giữ chức vụ Kế toán trưởng từ ngày 28/6/2024 thay cho Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Trong năm 2017 HĐQT công ty đã ra nghị quyết giao người đại diện pháp luật của DLR tiếp quản và xử lý các tồn tại của Công ty TNHH MTV Địa ốc Bảo Lộc.

- Trong năm 2023 HĐQT công ty bổ nhiệm Ông Phạm Văn Dương đại diện là Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xây dựng Địa ốc Đà Lạt kể từ ngày 24/5/2023.

- Trong năm 2024 HĐQT công ty đã sát nhập nguyên trạng 02 công ty hoạch toán phụ thuộc vào DLR là Công ty Vật liệu xây dựng Địa ốc Đà Lạt và Công ty Du lịch Mai Anh Đào.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, HĐQT mà trực tiếp là Chủ tịch HĐQT đã cùng với Ban điều hành đã ban hành nhiều nghị quyết để duy trì các hoạt động của công ty đảm bảo theo các quy định của pháp luật; Tuân thủ các quy định của Công ty niêm yết về công tác kiểm toán và báo cáo định kỳ kết quả kiểm toán và quản trị theo 6 tháng và thường niên, các báo cáo tài chính đều được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập.

PHẦN II :

ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024 VÀ NHIỆM KỲ III (2024-2029)

1. Định hướng chiến lược công ty, sản phẩm và lĩnh vực hoạt động:

Kinh tế thế giới nói chung trong thời gian tới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, cạnh tranh địa chính trị vẫn diễn ra một cách gay gắt và khó lường. Lĩnh vực kinh doanh bất động sản, xây dựng, vật liệu xây dựng tiếp tục gặp khó khăn về thị trường, chuỗi cung ứng đòi hỏi Công ty phải có biện pháp thích nghi và chuẩn bị các điều kiện, nguồn lực để duy trì và tìm kiếm các cơ hội mới, lĩnh vực mới cũng như tối ưu những thế mạnh, nguồn lực hiện có của Công ty trên những lĩnh vực cốt lõi. Hiện nay các tranh chấp về cổ phiếu đã được giải quyết xong, thành viên HĐQT, cổ đông đã đồng thuận, quyết tâm rất cao để phát triển công ty tương xứng với vị thế, các thế mạnh mà DLR có được để đóng góp vào sự phát triển kinh tế chung của tỉnh Lâm Đồng, mang lại hiệu quả kinh tế của chủ sở hữu, nâng cao đời sống người lao động, cung cấp cho thị trường những sản phẩm, dịch vụ ngày một tốt hơn.

- Tập trung vào khai thác, tối ưu hóa đầu tư vào các quỹ nhà, biệt thự mà công ty được giao quản lý, sử dụng.

- Tập trung nguồn lực để thực hiện dự án mà công ty được giao làm chủ đầu tư.

- Phát triển, mở rộng lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng mà công ty có kinh nghiệm, lợi thế.

- Phát triển, mở rộng lĩnh vực thi công xây dựng mà công ty đã có năng lực, kinh nghiệm và thương hiệu trên địa bàn của tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp nhằm chủ động trong việc huy động và sử dụng nguồn vốn trong giai đoạn hoạt động trong thời gian tới; Có phương án huy động nguồn vốn vay, vốn chủ sở hữu, hợp tác đầu tư với các đối tác có tiềm lực để đạt hiệu quả SXKD cao nhất cho công ty.

2. Định hướng về cơ cấu tổ chức, nhân sự:

- Tái cấu trúc doanh nghiệp, sắp xếp bộ máy quản lý và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty cho phù hợp với yêu cầu SXKD là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ tới; Tập trung vào công tác tuyển dụng, đào tạo và sử dụng nhân sự có hiệu quả cùng với công tác quy hoạch, đầu tư nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, năng lực điều hành, phát triển trình độ chuyên môn cho đội nhóm, đảm bảo cơ hội thăng tiến và có chính sách đãi ngộ thỏa đáng, tạo điều kiện để người lao động phát huy năng lực và đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

- Cơ cấu lại các công ty thành viên, trực thuộc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD và phục vụ các mục tiêu chung của công ty, mang lại hiệu quả nguồn vốn đầu tư cho chủ sở hữu.

3. Định hướng hoạt động và công tác quản trị doanh nghiệp:

- Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Thường xuyên giám sát và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty trong việc triển khai và tổ chức thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Tận dụng mọi cơ hội và phát huy tối đa các lợi thế trong kinh doanh của Công ty để tăng doanh thu và lợi nhuận trên các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi; Giữ vững chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm chi phí trong sản xuất và hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

- Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường trong và ngoài tỉnh nhằm thúc đẩy kinh doanh, nâng cao giá trị công ty.

- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động và thực hiện tốt hơn công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội từ thiện trên địa bàn.

Kính thưa Đại hội!

Trên đây là một số nội dung cơ bản về hoạt động của HĐQT năm 2024 và nhiệm kỳ 2017-2024; Định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2024-2029. Nhân dịp này, HĐQT xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ, hợp tác, phối hợp hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, các tổ chức đoàn thể trong Công ty, quý cổ đông, nhà đầu tư và toàn thể CB-CNV Công ty đối với hoạt động của HĐQT trong nhiệm kỳ qua. Trong nhiệm kỳ tới, HĐQT mới sẽ tiếp tục nâng cao năng lực quản trị

nhằm đáp ứng quy mô ngày càng phát triển của Công ty và yêu cầu ngày càng cao của Cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét quyết định./.

Kính chúc quý vị đại biểu và Quý cổ đông dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt;

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các TV.HĐQT, BKS;
- Đăng Website của DLR;
- Lưu: Thư ký Công ty, hồ sơ Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRỊNH NGỌC THANH





Số: 77 /BC-DLR

Đà Lạt, ngày 28 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, KẾT QUẢ SXKD NĂM 2017-2023
PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024**

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2017 - 2023:

1. Một số chỉ tiêu tóm tắt cơ bản (ĐVT: Triệu đồng):

I. KẾT QUẢ KINH DOANH	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023
1. Doanh Thu Thuần	50,356	42,956	38,441	30,205	11,575	18,631	17,029
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	53				382		
3. Giá vốn hàng bán	46,627	39,952	34,447	26,876	5,441	9,867	9,123
4. Lợi nhuận gộp	3,676	3,004	3,994	3,329	5,752	8,764	7,906
5. Doanh thu hoạt động tài chính	126	408	159	90	55	34	17
6. Chi phí tài chính	4,673	4,237	5,211	5,073	3,479	2,883	1,852
Trong đó: Chi phí lãi vay	4,672	4,237	5,211	5,073	3,479	2,883	1,852
7. Lợi nhuận trong công ty liên doanh liên kết	(86)	(8)	(120)	58	27	14	(56)
8. Chi phí bán hàng	522	445	479	393	19		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	12,613	7,490	6,574	4,100	5,604	4,516	3,731
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(14,092)	(8,768)	(8,231)	(6,089)	(3,268)	1,413	2,284
11. Lợi nhuận khác	(332)	(905)	(598)	(1,068)	(2,045)	(1,778)	(1,909)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(14,424)	(9,673)	(8,829)	(7,157)	(5,313)	(365)	375
13. Chi phí thuế TNDN		1	1				
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(14,424)	(9,674)	(8,830)	(7,157)	(5,313)	(365)	375
II. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023
1. Tài sản ngắn hạn	68,660	37,721	33,976	28,798	25,392	25,745	23,120
a/ Tiền và các khoản tương đương tiền	2,395	4,736	2,629	2,835	2,507	2,381	1,956
b/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	1,000				
c/ Các khoản phải thu ngắn hạn	47,244	14,299	10,143	6,536	3,260	4,871	2,151
d/ Hàng tồn kho	17,753	17,197	18,740	18,167	18,491	17,539	18,069
e/ Tài sản ngắn hạn khác	1,268	1,489	1,464	1,260	1,134	954	944
2. Tài sản dài hạn	50,318	47,065	43,947	39,844	36,376	33,187	30,280

a/ Các khoản phải thu dài hạn	3	3	3	3	3	3	3
b/ Tài sản cố định	26,247	24,478	22,165	19,284	17,045	15,073	13,228
(Giá trị hao mòn lũy kế)	(14,456)	(16,812)	(19,235)	(21,114)	(22,977)	(24,840)	(26,574)
c/ Bất động sản đầu tư	21,317	20,379	19,478	18,635	17,807	16,979	16,151
d/ Tài sản dở dang dài hạn	210						
e/ Đầu tư tài chính dài hạn	284	275	155	213	239	254	198
f/ Tài sản dài hạn khác	2,258	1,930	2,147	1,709	1,282	878	701
TỔNG TÀI SẢN	118,978	84,786	77,923	68,642	61,768	58,932	53,400
3. Nợ phải trả	104,726	80,209	82,177	80,052	78,492	76,020	70,112
a/ Nợ ngắn hạn	71,628	69,217	73,739	71,530	71,378	69,637	66,084
b/ Nợ dài hạn	33,098	10,992	8,438	8,522	7,114	6,383	4,028
4. Vốn chủ sở hữu	14,252	4,577	(4,254)	(11,410)	(16,724)	(17,088)	(16,712)
a/ Vốn chủ sở hữu	14,252	4,577	(4,254)	(11,410)	(16,724)	(17,088)	(16,712)
b/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	118,978	84,786	77,923	68,642	61,768	58,932	53,400

2. Các chỉ số tài chính:

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	7%	7%	10%	11%	50%	47%	46%
Tỷ suất EBIT/ Doanh thu	-20%	-14%	-10%	-7%	-16%	13%	13%
Tốc độ tăng trưởng của doanh thu	-9.27%	-14.61%	-10.51%	-21.43%	-61.68%	60.96%	-8.60%
Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	-18%	-33%	-9%	-19%	-26%	-93%	-203%
Giá vốn hàng bán/ Doanh thu (%)	92.69%	93.01%	89.61%	88.98%	47.01%	52.96%	53.57%
Chi phí bán hàng, quản lý/ Doanh thu	26.11%	18.47%	18.35%	14.88%	48.58%	24.24%	21.91%
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	57.71%	44.49%	43.60%	41.95%	41.11%	43.69%	43.30%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	42.29%	55.51%	56.40%	58.05%	58.89%	56.31%	56.70%
Đòn cân tài chính (Tài sản/ Vốn chủ sở hữu)	834.82%	1852.44%	1831.76%	-601.60%	369.34%	344.87%	319.53%
Số vòng quay hàng tồn kho (lần)	2.63	2.32	1.84	1.48	0.29	0.56	0.50
Số vòng quay tài sản cố định (lần)	4.27	5.60	13.12	(16.51)	(1.95)	(1.91)	(1.28)
Số vòng quay tài sản ngắn hạn (lần)	0.73	1.14	1.13	1.05	0.46	0.72	0.74
Số vòng quay tài sản (Doanh thu/ Tài sản) lần	0.42	0.51	0.49	0.44	0.19	0.32	0.32
Số vòng quay vốn chủ sở hữu (lần)	3.53	9.39	(9.04)	(2.65)	(0.69)	(1.09)	(1.02)
Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	11.98%	5.40%	-5.46%	-16.62%	-27.08%	-29.00%	-31.30%
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023
Nợ/ Tổng tài sản (%)	88.02%	94.60%	105.46%	116.62%	127.08%	129.00%	131.30%
Nợ/ Vốn chủ sở hữu (%)	734.82%	1752.44%	1931.76%	-701.60%	469.34%	444.87%	419.53%
Các khoản phải thu/ Tổng tài sản	39.71%	16.86%	13.02%	9.52%	5.28%	8.27%	4.03%
KHẢ NĂNG CHI TRẢ, THANH TOÁN	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023
Hệ số chi trả lãi vay (lần)	(2.11)	(1.38)	(0.72)	(0.43)	(0.54)	0.86	1.19
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	0.96	0.54	0.46	0.40	0.36	0.37	0.35

Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0.71	0.30	0.21	0.15	0.10	0.12	0.08
Nợ ngắn hạn (Triệu đồng)	71,628	69,217	73,739	71,530	71,378	69,637	66,084
Khả năng thanh toán bằng tiền/ Nợ ngắn hạn	3.34%	6.84%	3.57%	3.96%	3.51%	3.42%	2.96%
KHẢ NĂNG SINH LỜI	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023
Hệ số lãi ròng (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu)	-28.67%	-22.52%	-22.97%	-23.69%	-45.90%	-1.96%	2.20%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	7.31%	6.99%	10.39%	11.02%	49.69%	47.04%	46.43%
Suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)	-101.21%	-211.36%	207.57%	62.73%	31.77%	2.14%	-2.24%
Suất sinh lời của tài sản (ROA)	-12.12%	-11.41%	-11.33%	-10.43%	-8.60%	-0.62%	0.70%
Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	(3,205)	(2,150)	(1,962)	(1,590)	(1,181)	(81)	83
Tỷ số giá thu nhập (P/E)	(2.81)	(4.65)	(5.61)	(5.66)	(8.47)	(173)	102
Giá cổ phiếu/ Giá trị ghi sổ (P/B)	0.63	2.18	(2.59)	(0.79)	(0.60)	(0.82)	(0.51)

3. Nhận xét, đánh giá:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh trên mọi lĩnh vực của Công ty và các đơn vị thành viên trong các năm tiếp tục gặp khó khăn, một số lĩnh vực hoạt động trọng điểm nằm trong kế hoạch sản xuất kinh doanh bị điều chỉnh vì các yếu tố chủ quan và khách quan khác nhau đã tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh đã đặt ra.

Mặt khác, tình hình tài chính của công ty mất cân đối, cần phải cơ cấu nợ vay, tập trung thu hồi công nợ, cải thiện tình hình tài chính, tín dụng mới có thể đáp ứng được yêu cầu đầu thầu các gói thầu của các chủ đầu tư đưa ra cũng như khả năng tài chính để đầu tư dự án của công ty làm chủ đầu tư.

- Tổng tài sản trong năm là 53,4 tỷ đồng, giảm 5,5 tỷ đồng so với năm trước.
- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Tổng nợ ngắn hạn và dài hạn trong năm là 70 tỷ đồng, nợ/ tổng tài sản là 131%.
- Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2023 của Công ty với doanh thu thực hiện được 17,053 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 376 triệu đồng; Đạt 43% kế hoạch về doanh thu và 92% kế hoạch lợi nhuận, cụ thể:

+ Hoạt động thi công xây lắp: Không có doanh thu của lĩnh vực này, khối Văn phòng công ty chưa thực hiện được theo kế hoạch đề ra do tái cơ cấu hoạt động SXKD, vướng mắc trong thực hiện triển khai đầu tư dự án do Công ty làm chủ đầu tư; Hoạt động thi công xây lắp của Công ty TNHH MTV XD Địa ốc Đà Lạt không có doanh thu/ kế hoạch đề ra trong năm là 16 tỷ đồng.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng: Kết quả doanh thu thực hiện được trong năm là 8,45 tỷ đồng/ kế hoạch đề ra 8,2 tỷ đồng, tương ứng đạt 103% kế hoạch; Lợi nhuận lĩnh vực VLXD là 869 triệu đồng.

+ Hoạt động cho thuê nhà, bất động sản đạt 8,35 tỷ đồng doanh thu và 3,4 tỷ đồng lợi nhuận; Tương ứng đạt 92% kế hoạch đề ra trong năm, lợi nhuận đạt 74% kế hoạch.

+ Hoạt động khác: Phương án chuyển nhượng, cho thuê hệ thống trạm trộn bê tông thương phẩm và một số hoạt động SXKD khác chưa thực hiện được dẫn đến chưa đạt được kế hoạch đề ra là 5,78 tỷ đồng.

- Công ty TNHH MTV Xây dựng địa ốc Đà Lạt:

Trong năm, lĩnh vực hoạt động chính của Công ty TNHH MTV Xây dựng Địa ốc Đà Lạt là thi công xây dựng không có doanh thu, doanh thu cho thuê mặt bằng là 594 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế là âm (- 359) triệu đồng; Nợ phải trả là 2,98 tỷ đồng, vốn CSH âm 132 triệu đồng.

- Công ty TNHH MTV Địa ốc Bảo Lộc:

Công ty đã dừng hoạt động từ năm 2016, hiện tại đang xử lý các tồn tại còn lại. Doanh thu hoạt động là 123 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế là âm (-75) triệu đồng; Nợ phải trả là 20 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu là âm (19,5) tỷ đồng.

- Đánh giá chung: Ngoài những lý do khách quan chung của kinh tế thế giới và địa phương thì những khó khăn tồn tại trong nội tại của Doanh nghiệp chưa được tháo gỡ, khắc phục dẫn đến kế hoạch doanh thu và lợi nhuận chưa đạt như kỳ vọng đề ra. Tình hình tài chính tín dụng của công ty cần phải cơ cấu lại cũng như thay đổi cơ chế hoạt động, quản trị doanh nghiệp.

- Danh sách Ban điều hành:

+ Tổng Giám đốc: Ông Đinh Thanh Tâm;

+ Phó Tổng Giám đốc: Ông Phạm Văn Dương;

+ Kế Toán trưởng: Bà Cao Thị Hoa.

- Số lượng cán bộ, nhân viên khối văn phòng công ty: 11 người

4. Kết quả theo lĩnh vực hoạt động SXKD năm 2023 so với kế hoạch như sau:

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG		KẾ HOẠCH NĂM 2023 (ĐVT: đồng)		KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023 (ĐVT: đồng)		SO SÁNH THỰC HIỆN/ KẾ HOẠCH	
		Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận
		1	2	3	4	5	6
1	Hoạt động xây lắp	16.717.285.221	694.000.577	-	-		
2	Hoạt động cho thuê BĐS	9.073.622.469	4.582.634.640	8.355.513.590	3.408.141.255	92,1%	74,4%
3	Hoạt động cho thuê tài sản			220.000.000	(102.581.640)		
4	Hoạt động SXKD VLXD	8.190.000.000	2.912.217.678	8.453.400.000	869,413,312	103,2%	29,9%
5	Hoạt động khác	5.780.000.000	(7.663.354.896)	24.671.835	(4.026.061.572)		
	HỢP CỘNG	39.760.907.690	525.497.998	17.053.585.425	148.911.355	42,9%	
	TRỪ NỘI BỘ			-	282.978.636		
	CÔNG TY LIÊN KẾT				(56.175.372)		
	THUẾ TNDN	-	105.099.600				
	HỢP NHẤT (LN SAU THUẾ)	39.760.907.690	420.398.399	17.053.585.425	375.714.619	42,9%	89,4%

00000
NG T
IN ĐỊA
LẠ
T. LAM

II. KẾ HOẠCH SXKD TRONG NĂM 2024 VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

1. Kế hoạch SXKD trong năm 2024:

Kế hoạch SXKD năm 2024 (Theo lĩnh vực hoạt động và phân bổ chi phí theo doanh thu):

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	KẾT QUẢ NĂM 2023 (ĐVT: đồng)		KẾ HOẠCH NĂM 2024 (ĐVT: đồng)		SO SÁNH NĂM 2024 / NĂM 2023	
	Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận
	1	2	3	4	5	6
1 Thi công xây dựng			16.500.000.000	165.000.000		
2 Cho thuê nhà, biệt thự	8.355.513.590	3.408.141.255	8.255.148.997	4.571.441.500	98,80%	134,13%
3 Cho thuê tài sản	220.000.000	(102.581.640)	360.000.000	197.490.384	163,64%	
4 Sản xuất kinh doanh VLXD	8.453.400.000	869.413.312	2.940.000.000	2.138.842.538	34,78%	246,01%
5 Lĩnh vực khác	24.671.835	(4.026.061.572)	20.500.000.000	(6.323.312.020)		
HỢP CỘNG	17.053.585.425	148.911.355	48.555.148.997	749.462.402	284,72%	503,29%
TRỪ NỘI BỘ	-	282.978.636				
CÔNG TY LIÊN KẾT		(56.175.372)				
THUẾ TNDN HOÀN LẠI		-				
THUẾ TNDN		-		149.892.480		
HỢP NHẤT (LN SAU THUẾ)	17.053.585.425	375.714.619	48.555.148.997	599.569.922		

- Tiếp tục lộ trình Tái cấu trúc doanh nghiệp; Xây dựng chiến lược cho doanh nghiệp trong giai đoạn mới; Xây dựng và quản lý chặt chẽ kế hoạch tài chính gắn liền với chiến lược phát triển của doanh nghiệp; Phát triển Công ty theo mô hình năng động, linh hoạt, tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi, có lợi thế của doanh nghiệp, khai thác được thế mạnh đặc thù của địa phương, phù hợp với chính sách kinh tế vĩ mô.

- Nâng cao quản trị doanh nghiệp, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý, nhằm tạo cơ chế tự chủ, khoán chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận cho các đơn vị; Phát huy được thế mạnh, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp khác có tiềm năng để tận dụng các nguồn lực thế mạnh của từng đơn vị trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản để qua đó nâng cao vị thế thương hiệu của Công ty trên thị trường.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nâng cao tính chuyên nghiệp, phối hợp đội nhóm giữa các phòng ban, cán bộ nhân viên của Công ty và các Công ty thành viên, đoàn kết hỗ trợ nhau để cùng hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD của Công ty.

2. Kết quả thực hiện SXKD 06 tháng đầu năm 2024

Báo cáo tài chính hợp nhất chưa được soát xét 06 tháng đầu năm 2024 với doanh thu 6,2 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 211 triệu đồng.

3. Tình hình tài chính và nguồn vốn đầu tư:

Tình hình tài chính và nợ vay của công ty thuộc loại nợ xấu có khả năng làm ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục và ảnh hưởng đến việc thực hiện các dự án đầu tư do công ty đang làm chủ đầu tư cũng như ảnh hưởng đến điều kiện để được tham gia làm chủ đầu tư và đấu thầu các gói thầu bên ngoài.

4. Tình hình quản trị, điều hành, tổ chức nhân sự:

Với thực trạng về tranh chấp cổ phiếu và không đồng thuận của các TV HĐQT dẫn đến các hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc hoàn toàn bị động. Công ty không thực hiện được dự án hoặc công trình nào dẫn đến không có doanh thu buộc phải thu hẹp sản xuất, tinh giảm lao động để duy trì bộ máy hoạt động và thực hiện một số lĩnh vực SXKD hiện có.

Trên đây là báo cáo của Ban Tổng Giám đốc kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty CP Địa ốc Đà Lạt./.

CÔNG TY CP ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH THANH TÂM



Số: 24 /TTr/HĐQT-DLR

Đà Lạt, ngày 28 tháng 8 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua giao dịch trả nợ vay, chủ trương tiếp tục triển khai thủ tục đầu tư Dự án Khu Dân cư Đồi An Tôn và thông qua giao dịch vay, hợp đồng vay

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CP ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Hội đồng Quản trị công ty báo cáo và xin ý kiến chấp thuận nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2024 như sau:

1. Thông qua giao dịch trả nợ vay có giá trị khoản nợ trên 35% tổng giá trị tài sản Công ty theo BCTC gần nhất:

Thông qua phương án trả nợ vay cho Công ty CP Đầu tư bất động sản Vạn Thành Phát theo Nghị quyết số 01/NQ/HĐQT-DLR ngày 10/4/2024 của HĐQT Công ty CP Địa ốc Đà Lạt, cụ thể :

- Thống nhất trả nợ Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản Vạn Thành Phát số tiền nợ tính từ ngày 30/11/2023 là 36.669.000.000 đồng (*Ba mươi sáu tỷ, sáu trăm sáu mươi chín triệu đồng*); Thời hạn trả hết toàn bộ số tiền nợ gốc này là trước ngày 30/10/2024;
- Thống nhất trả tiền lãi là 12%/ năm theo số nợ gốc 36.669.000.000 đồng nêu trên; Thời hạn trả hết toàn bộ số tiền lãi phát sinh này là trước ngày 30/11/2024.

Giao Hội đồng Quản trị Công ty CP Địa ốc Đà Lạt thực hiện các thủ tục trả nợ vay, ký các hồ sơ có liên quan với Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản Vạn Thành Phát và làm việc với cơ quan thi hành án về việc giải quyết khoản nợ vay theo các nội dung thống nhất nêu trên. Nguồn vốn trả nợ vay trích trong khoản vay 205 tỷ đồng vay từ Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

(Có Nghị quyết số 01/NQ/HĐQT-DLR ngày 10/4/2024 và Tờ trình số 38/TTr-DLR ngày 01/4/2024 kèm theo).

2. Thông qua chủ trương tiếp tục triển khai thủ tục đầu tư Dự án Khu Dân cư Đồi An Tôn:

Công ty Kinh doanh và Phát triển nhà Lâm Đồng (Nay là Công ty CP Địa ốc Đà Lạt) là Chủ đầu tư Dự án Khu dân cư đồi An Tôn, phường 5, thành phố Đà Lạt theo Văn bản số 3535/UB ngày 27/10/2003 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Chấp thuận dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư Đồi An Tôn, phường 5, TP Đà Lạt; Quyết định số 1024/QĐ-UB ngày 15/4/2004 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Thu hồi đất để giao cho Công ty kinh doanh và phát triển nhà Lâm Đồng triển khai Dự án đầu tư xây dựng khu quy hoạch đồi An Tôn, phường 5, thành phố Đà Lạt; Quyết định số

1408/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Phê duyệt điều chỉnh một phần Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư đồi An Tôn (Khu A) – tỷ lệ 1/500.

2.1. Về pháp lý, chủ trương đầu tư thực hiện dự án:

- Quyết định số 1902/QĐ-UB ngày 02/6/1999 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu dân cư đồi An Tôn - Phường 5 - Đà Lạt.

- Quyết định số 104/2002/QĐ-UB ngày 15/8/2002 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu dân cư đồi An Tôn, phường 5, thành phố Đà Lạt.

- Văn bản số 3177/UB ngày 24/9/2002 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Giao Công ty kinh doanh và phát triển nhà Lâm Đồng làm chủ đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và nhà ở tại Khu dân cư đồi An Tôn, phường 5, thành phố Đà Lạt.

- Văn bản số 3535/UB ngày 27/10/2003 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Chấp thuận dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư Đồi An Tôn, phường 5.

- Quyết định số 43/QĐ/DA-KD ngày 26/12/2003 của Công ty KD & PT nhà Lâm Đồng về Phê duyệt đầu tư Dự án khả thi xây dựng Khu dân cư đồi An Tôn, phường 5, thành phố Đà Lạt.

- Quyết định số 1024/QĐ-UB ngày 15/4/2004 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Thu hồi đất để giao cho Công ty kinh doanh và phát triển nhà Lâm Đồng triển khai Dự án đầu tư xây dựng khu quy hoạch đồi An Tôn, phường 5, thành phố Đà Lạt.

- Văn bản số 543/UBND-XD ngày 07/11/2005 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Giao Công ty kinh doanh và phát triển nhà Lâm Đồng triển khai trước 13 ha.

- Quyết định số 91/QĐ-KDN ngày 18/4/2007 của Công ty Kinh doanh và Phát triển nhà Lâm Đồng về Phê duyệt báo cáo điều chỉnh đầu tư dự án Khu quy hoạch dân cư Đồi An Tôn, phường 5, TP Đà Lạt.

- Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 10/3/2008 của UBND TP Đà Lạt về Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất để triển khai Công trình theo Quy hoạch chi tiết Khu dân cư đồi An Tôn (GĐI)- Phường 5 - TP Đà Lạt.

- Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Phê duyệt điều chỉnh một phần quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư đồi An Tôn (khu A) tỷ lệ 1/500, với quy mô diện tích sử dụng đất là 11,0623 ha; Trong đó theo quy hoạch có diện tích đất nhà ở 59.324,79 m², gồm: 124 lô kiên cố sân vườn (Diện tích 12.121,10 m²), 130 lô đất biệt lập (Diện tích 34.690,74 m²), đất nhà ở thu nhập thấp (12.612,95 m²) và đất công cộng, hạ tầng kỹ thuật ... của dự án chi tiết.

- Văn bản số 6007/UBND-ĐC ngày 10/10/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Thực hiện dự án Khu dân cư đồi An Tôn, phường 5, thành phố Đà Lạt (Giao Công ty CP Địa ốc Đà Lạt - nhà đầu tư tiếp tục thực hiện dự án theo quy định).

- Nghị quyết số 03/2017/NQ/HĐQT-DLR ngày 12/2/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Địa ốc Đà Lạt về việc triển khai đầu tư giai đoạn I của Dự án Khu dân cư Đồi An Tôn - Đà Lạt.

- Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng Về việc thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư Đồi An Tôn Đà Lạt do Công ty CP Địa ốc Đà Lạt làm Chủ đầu tư.

- Văn bản số 1490/STNMT-MT ngày 06/9/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Hoàn thiện hợp thẩm định báo cáo ĐTM dự án Khu dân cư đồi An Tôn.

2.2. Quá trình triển khai thực hiện đầu tư Dự án:

a/ Công tác đền bù, bồi thường, giải phóng mặt bằng:

Để thực hiện công tác đền bù GPMB, Chủ đầu tư đã phối hợp với UBND phường 5, Trung tâm phát triển quỹ đất Đà Lạt, phòng Tài nguyên Môi trường Đà Lạt ... thực hiện kiểm đếm, lập phương án bồi thường về nhà, đất cho các hộ dân nằm trong khu quy hoạch, trình UBND TP Đà Lạt, UBND tỉnh Lâm Đồng ra các quyết định bồi thường cho các hộ dân và các đơn vị. Quá trình này được thực hiện từ năm 2000 đến nay trải qua rất nhiều khó khăn do một số hộ dân không cung cấp được nguồn gốc sử dụng đất, thay đổi diện tích đất, nảy sinh khiếu kiện, khiếu nại ... và phải xác minh, kiểm tra, giải quyết của nhiều cấp; đồng thời do nhà nước thay đổi chính sách về đất đai dẫn đến giá đền bù, chính sách tái định cư, hỗ trợ tiền thuê nhà có nhiều thay đổi.

Đến nay đã tính toán lập phương án bồi thường, tái định cư cho 18 hộ gia đình cá nhân, 02 tổ chức có nhà ở, đất ở, đất SXNN nằm trong quy hoạch đất của dự án và thực hiện bồi thường đền bù, ra quyết định thu hồi đất cho dự án; Hiện đã có 19/20 trường hợp đã bàn giao mặt bằng, còn 01 hộ dân (*Hộ gia đình ông Lê Văn Ngọc*) tiếp tục yêu cầu bồi thường diện tích đất bổ sung chưa được tính toán bồi thường do trong quá trình lập phương án bồi thường, hộ dân không cung cấp được hồ sơ xác minh nguồn gốc đất bổ sung này... và không thống nhất với các quyết định của UBND thành phố Đà Lạt dẫn đến khiếu kiện giải quyết bổ sung. Hiện hộ gia đình này đã nhận tiền bồi thường theo quyết định bồi thường của UBND TP Đà Lạt là 1.050.788.000 đồng và đã có văn bản cam kết tháo dỡ công trình và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư.

- Về tiền bồi thường, hỗ trợ, đền bù cho các hộ dân: Tính đến ngày 31/12/2020 tổng số tiền GPMB, bồi thường của dự án theo các quyết định của UBND TP Đà Lạt, UBND tỉnh Lâm Đồng đã được Công ty CP địa ốc Đà Lạt thực hiện chi trả là 16.650.281.000 đồng.

- Về tiền hỗ trợ thuê nhà cho các hộ dân: sau khi bàn giao đất, hiện có 09 hộ gia đình được tính hỗ trợ bổ sung tiền thuê nhà hàng tháng theo các quyết định của UBND TP Đà Lạt; Tính đến tháng 10/2021 đã có 26 lần quyết định hỗ trợ tiền thuê nhà và được chủ đầu tư thực hiện chi trả thường kỳ cho các hộ dân. (*Tổng số tiền hỗ trợ thuê nhà trực tiếp chi trả cho các hộ dân là 1.992.000.000 đồng; Tiền Phê duyệt lập phương án bồi thường hỗ trợ là 211.914.000 đồng*).

b/ Công tác bố trí tái định cư, bàn giao thu hồi đất:

- Đất bố trí tái định cư phân lô cho các hộ dân theo các quyết định của thành phố Đà Lạt đến nay là: 7.190,8 m²; Gồm 18 lô biệt lập, 4 lô liên kế.

- Đến nay, về thu hồi đất nằm trong khu quy hoạch của dự án: Đã có 17 hộ gia đình (*Có tổng diện tích đất thu hồi 34.152,09 m²*), 02 tổ chức (*Có diện tích 24.218,06*

m²) và đất công sản (Đất hoang thu hồi theo QĐ số 1441/QĐ-UBND ngày 22/5/2009, diện tích 47.651 m²) có quyết định thu hồi đất. Tổng diện tích đất có quyết định thu hồi là: 106.024,3 m², tuy nhiên theo các Biên bản bàn giao thì diện tích đất thu hồi giảm còn 10,24 ha.

- Về giao nhận đất: Các hộ dân đã ký Biên bản cam kết giao đất tuy nhiên thực tế hiện còn 03 hộ dân hiện đang canh tác rau màu trên diện tích đất đã có quyết định thu hồi đất thuộc ranh quy hoạch của dự án. Diện tích và ranh đất, mốc giới đất thu hồi khi bàn giao cho Chủ đầu tư chỉ được ghi nhận trên các Biên bản bàn giao không có ranh, mốc giới cụ thể trên thực địa do địa hình dốc, ranh thửa đất trên bản đồ khác với ranh địa hình thực tế tại khu quy hoạch.

- Trong khu vực đất quy hoạch của dự án hiện Chủ đầu tư chưa làm các công tác chuyển mục đích sử dụng đất do chưa xác định được diện tích đất cụ thể của dự án do ranh giới đất giải thửa thực tế, ranh đất thu hồi và ranh đất được giao, ranh đất quy hoạch không trùng khớp, có biến động so với thực địa.

c/ Tình hình triển khai dự án của Chủ đầu tư :

Từ khi được giao nhiệm vụ làm Chủ đầu tư dự án đến nay Công ty đã nhiều lần thực hiện khảo sát xây dựng, lập điều chỉnh quy hoạch, lập các dự án đầu tư điều chỉnh, tuy nhiên thực tế mới được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt dự án năm 2013 với tổng mức đầu tư thời điểm đó là 185,962 tỷ đồng.

- Ngày 12/2/2017 Hội đồng Quản trị của CTCP Địa ốc Đà Lạt đã ra Nghị quyết số 03/2017/NQ/HĐQT-DLR về việc triển khai đầu tư giai đoạn 1 của dự án An Tôn - Đà Lạt và lập báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khu nhà ở An Tôn để trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Tổng mức đầu tư của dự án theo Báo cáo nghiên cứu khả thi là: 375.475.982.000 đồng.

- Trong quá trình lập dự án đầu tư để trình UBND tỉnh phê duyệt Công ty đã lập báo cáo ĐTM và hợp xin ý kiến cộng đồng dân cư. Qua nhiều lần sửa đổi, báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được hoàn thành và được Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt vào ngày 21/8/2018; Ngày 29/8/2018 UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 1704/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo tác động môi trường của dự án.

+ Ngày 6/9/2018 Sở Tài nguyên & Môi trường mời Chủ đầu tư báo cáo và họp Hội đồng thẩm định; Tuy nhiên sau khi đi kiểm tra thực địa dự án thì Sở Tài nguyên & Môi trường Lâm Đồng đã hoãn cuộc họp (Văn bản số 1490/STNMT-MT ngày 06/9/2018) với lý do chờ ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng đối với kết quả kiểm tra tại dự án do Sở Kế hoạch Đầu tư chủ trì.

+ Ngày 18/3/2019 Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng đã có Văn bản số 380/STNMT-MT về Thẩm định báo cáo ĐTM dự án Khu dân cư Đồi An Tôn tại phường 5 - Đà Lạt - Lâm Đồng, với nội dung trình xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng đối với việc tổ chức phiên họp thẩm định báo cáo ĐTM dự án Khu dân cư đồi An Tôn, Đà Lạt.

- Ngày 20/5/2019 UBND tỉnh Lâm Đồng đã có Văn bản số 2918/UBND-XD về Thực hiện Dự án đầu tư Khu quy hoạch An Tôn và giao Sở Kế hoạch & Đầu tư chủ trì xem xét tham mưu.

+ Ngày 23/8/2019 Sở KHĐT tỉnh Lâm Đồng đã xem xét hồ sơ, chủ trì họp và có Biên bản kết luận cuộc họp thống nhất đề nghị UBND tỉnh Lâm Đồng cho phép Chủ đầu tư được tiếp tục thực hiện dự án theo như nội dung đề xuất của Sở Kế hoạch & Đầu tư tại Văn bản số 510/KHĐT-DN ngày 09/4/2019; Yêu cầu Chủ đầu tư cam kết có đủ năng lực tài chính thực hiện dự án.

Ngày 03/10/2019 Sở Tài chính đã có Văn bản số 2489/STC-ĐT về Xem xét năng lực tài chính của Công ty CP Địa ốc Đà Lạt thực hiện DA Khu quy hoạch An Tôn, Đà Lạt. Theo nội dung Văn bản xác nhận: Về vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án đảm bảo hạn mức theo quy định; Về nguồn vốn vay thực hiện dự án đáp ứng đầy đủ điều kiện vay vốn theo quy định của ngân hàng.

- Ngày 28/12/2020 UBND tỉnh Lâm đồng đã có Văn bản số 10329/UBND-TD về Xử lý đơn của công dân liên quan đến dự án Khu dân cư đồi An Tôn, phường 5, thành phố Đà Lạt.

Thực hiện văn bản nêu trên, ngày 13/3/2021 Sở Kế hoạch & Đầu tư đã chủ trì cuộc họp và có đại diện của các đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Cục thuế tỉnh, UBND TP Đà Lạt, Phòng TNMT TP Đà Lạt, TT Phát triển quỹ đất thành phố Đà Lạt, UBND phường 5 TP Đà Lạt.

Căn cứ ý kiến của đại diện các đơn vị tham dự họp và Văn bản số 609/KHĐT-KTĐN ngày 01/4/2021 của Sở Kế hoạch & Đầu tư Lâm Đồng về Bổ sung văn bản cam kết tiến độ, tài liệu chứng minh năng lực tài chính. Ngày 05/4/2021 Công ty CP Địa ốc Đà Lạt đã có Báo cáo số 26/BC-DLR về quá trình triển khai, tiến độ thực hiện đầu tư dự án, tình hình thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, văn bản cam kết và hồ sơ chứng minh năng lực tài chính, tổng hợp chi phí đã đầu tư vào Dự án, Bảng cam kết tiến độ thực hiện đầu tư dự án...

Ngày 15/5/2021 Sở Tài chính đã có Văn bản số 966/STC-ĐT về Xem xét năng lực tài chính của Công ty CP Địa ốc Đà Lạt thực hiện dự án Khu dân cư đồi An Tôn, phường 5, Đà Lạt.

d) Khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện đầu tư dự án:

- Theo quy hoạch Dự án Khu dân cư đồi An Tôn, Phường 5, TP Đà Lạt có trục đường Y Dinh là trục giao thông chính của dự án (Khoảng 535 m) thuộc quy hoạch của Dự án đường vành đai ngoài của thành phố; Hiện Dự án đường vành đai ngoài của thành phố đã được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt tại Quyết định số 3054/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; Theo thiết kế của đường vành đai đi qua Dự án thì sẽ thu hồi khoảng 18.000 m² đất đã giao cho Công ty và sẽ ảnh hưởng về quy mô dự án, quy hoạch hướng tuyến, thiết kế cao trình, hạ tầng đường ... nên Dự án khu dân cư đồi An Tôn cần thiết cũng phải có các điều chỉnh về quy hoạch, quy mô đầu tư các hạng mục, tính toán phân lô, san nền, bố trí tái định cư... điều chỉnh đi theo.

- Trong quá trình thực hiện dự án, khi được giao làm Chủ đầu tư (Tháng 9/2002) Công ty khi đó thực hiện sản xuất kinh doanh với pháp nhân là Công ty Kinh doanh và phát triển nhà Lâm Đồng, sau đó đến năm 2009 Công ty thực hiện chủ trương của Chính phủ và quyết định của UBND tỉnh Lâm Đồng đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt với 30% vốn nhà nước, đến năm 2015 mới thoát hết phần vốn cổ phần do nhà nước nắm giữ. Quá trình chuyển đổi cơ cấu tổ chức, hoạt động từ Công ty kinh doanh có nguồn vốn nhà nước sang Công ty cổ phần diễn ra trong một thời

gian dài nên đã phần nào ảnh hưởng tới công tác quyết định đầu tư và thực hiện dự án.

- Trong quy hoạch của dự án có Khu tạm cư của các hộ dân (*Khu N, diện tích đất 4.601 m²*) hiện do Trung tâm Quản lý nhà TP quản lý; đồng thời UBND tỉnh Lâm Đồng đã có Văn bản đề nghị Sở Xây dựng chủ trì thực hiện đưa diện tích đất này ra ngoài phạm vi quy hoạch của dự án. Tuy nhiên hiện chưa có quyết định về công tác này, quyết định này sẽ ảnh hưởng tới quy hoạch đã phê duyệt và quy mô của dự án An Tôn được chủ đầu tư xác lập.

- Ranh quy hoạch của dự án có sự sai khác giữa bản đồ giải thửa và thực tế địa hình (*Do các hộ dân khai khác, lấn chiếm đất công, hiện trạng sử dụng đất, giấy tờ xác minh đất ...*) diện tích đất giao có phần nằm ngoài ranh quy hoạch, mốc giới không có nên công tác xác định cụ thể, chính xác ranh đất để bàn giao cho công ty gặp khó khăn và chưa xác định được đúng diện tích đất xin giao.

- Căn cứ Văn bản số 3386/UBND-XD1 ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Tiến độ triển khai thực hiện dự án Khu dân cư, tái định cư An Tôn, phường 5, thành phố Đà Lạt do Công ty CP Địa ốc Đà Lạt làm chủ đầu tư; Văn bản số 2918/UBND-XD1 ngày 20/5/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Dự án đầu tư khu quy hoạch An Tôn, phường 5, thành phố Đà Lạt; Văn bản số 10329/UBND-TD ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Xử lý đơn của công dân liên quan đến dự án khu dân cư đôi An Tôn, phường 5, thành phố Đà Lạt do Công ty CP Địa ốc Đà Lạt làm chủ đầu tư.

- Ngày 21/01/2022 UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Văn bản số 503/UBND-XD về Chấm dứt hoạt động dự án Khu dân cư đôi An Tôn của Công ty Cổ phần địa ốc Đà Lạt.

- Ngày 24/01/2022 Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng ban hành Quyết định số 06/QĐ-KHĐT về chấm dứt hoạt động của dự án Khu dân cư đôi An Tôn do Công ty làm chủ đầu tư.

- Ngày 10/3/2022 UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 396/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đã giao cho Công ty kinh doanh và phát triển nhà Lâm Đồng (nay là Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt) theo Quyết định số 1024/QĐ-UB ngày 15/4/2004 của UBND tỉnh tại Phường 5, thành phố Đà Lạt.

- Ngày 12/7/2022 Công ty đã khởi kiện quyết định hành chính về thu hồi dự án tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Ngày 18/01/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Bản án số 05/2024/HC-ST về Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai; Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của Công ty về thu hồi đất và thu hồi Dự án.

- Ngày 19/8/2024 Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2235/2024/QĐ-PT; Tại phiên xét xử phúc thẩm này, Tòa án đã tuyên hủy các quyết định thu hồi đất và thu hồi dự án của UBND tỉnh Lâm Đồng và Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng; Tòa án đã tuyên hủy các Văn bản:

+ Hủy Văn bản số 503/UBND-XD ngày 21/01/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Chấm dứt hoạt động dự án Khu dân cư đồi An Tôn của Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt.

+ Hủy Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thu hồi đất đã giao cho Công ty kinh doanh và phát triển nhà Lâm Đồng (nay là Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt) theo Quyết định số 1024/QĐ-UB ngày 15/4/2004 của UBND tỉnh tại Phường 5, thành phố Đà Lạt.

+ Hủy Quyết định số 06/QĐ-KHĐT ngày 24/01/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng về chấm dứt hoạt động của dự án Khu dân cư đồi An Tôn do Công ty làm chủ đầu tư.

+ Hủy Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng về giải quyết đơn của Công ty CP Địa ốc Đà Lạt.

+ Hủy Văn bản số 1433/KHĐT-TTr ngày 24/01/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về Trả lời đơn khiếu nại Quyết định số 06/QĐ-KHĐT.

2.3. Kế hoạch thực hiện đầu tư Dự án trong thời gian tới và xin ý kiến chấp thuận của Đại Hội Cổ Đông Công ty CP Địa ốc Đà Lạt:

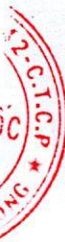
Kể từ khi Công ty làm chủ đầu tư dự án đến nay đã tích cực thực hiện các bước đầu tư theo quy định. Tuy nhiên do nhiều nguyên nhân khác nhau cũng như các quy định của pháp luật có liên quan về đầu tư, đất đai, xây dựng ... có nhiều thay đổi dẫn đến phải lập lại Dự án theo các quy định hiện hành có liên quan.

Để kịp thời thực hiện các bước đầu tư có liên quan, đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật, Hội Đồng Quản Trị kiến nghị và xin ý kiến Đại Hội cổ đông ủy quyền và giao HĐQT Công ty quyết định các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện đầu tư Dự án Khu dân cư đồi An Tôn, phường 5, TP Đà Lạt.

3. Thông qua giao dịch vay và hợp đồng vay:

- Tổng khoản vay: 205.000.000.000 đồng (Hai trăm lẻ năm tỷ đồng);
- Đối tượng vay: Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- Thời hạn vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay : 0%/tháng, được tính trên Tổng khoản vay.
- Phương án trả nợ vay: phát hành cổ phiếu DLR khi Công ty đáp ứng các quy định có liên quan theo quy định của pháp luật để hoán đổi nợ vay; Phương án phát hành cổ phiếu hoán đổi nợ vay HĐQT sẽ xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để thực hiện trong quý 1 năm 2025;
- Mục đích vay vốn: Để kịp thời đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính, tăng vốn chủ sở hữu của công ty theo các quy định có liên quan để đầu tư Dự án, trả nợ vay và cung ứng vốn cho hoạt động SXKD của công ty.

DHĐCĐ ủy quyền và giao cho Hội đồng Quản trị Công ty CP Địa ốc Đà Lạt lựa chọn danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, triển khai việc vay vốn và thực hiện đàm phán, quyết định toàn bộ nội dung Hợp đồng vay đảm bảo các nội dung chính như trên.



Đại Hội Cổ Đông thường niên Công ty CP Địa ốc Đà Lạt thống nhất thông qua 03 nội dung nêu trên và ủy quyền HĐQT Công ty toàn quyền quyết định việc thực hiện, đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và Công ty; HĐQT báo cáo cổ đông tại Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất./.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ (Báo cáo);
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trịnh Ngọc Thanh

CÔNG TY CP ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TTr/BKS - DLR

Đà Lạt, ngày tháng 8 năm 2024

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

*V/v: Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024
Công ty Cổ phần Địa Ốc Đà Lạt*

Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Địa ốc Đà Lạt;
- Quy chế Quản trị Công ty.

Theo quy định việc chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo Tài chính do Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua, tuy nhiên xét thấy để thuận lợi trong quá trình hoạt động kinh doanh của năm 2024 Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ Đông thông qua về việc “Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024 để kiểm toán cho Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt năm tài chính 2024”.

Hội đồng quản trị sẽ căn cứ vào các tiêu chí chất lượng, uy tín, giá chào cạnh tranh và sự hỗ trợ từ đơn vị kiểm toán đối với Công ty để lựa chọn.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Số: 01/NQ/ĐHĐCD-DLR

Đà Lạt, ngày 18 tháng 9 năm 2024

**“DỰ THẢO”NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024 VÀ NHIỆM KỲ (2024-2029)**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Địa ốc Đà Lạt được Đại hội Đồng cổ đông thường niên 2024 và Nhiệm kỳ (2024-2029) thông qua ngày 18/9/2024;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2024 và Nhiệm kỳ (2024-2029) của Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt ngày 18 tháng 9 năm 2024.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đại hội Đồng cổ đông đã biểu quyết và thông qua các nội dung sau:

1. Miễn nhiệm, bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.
2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2024 và hết nhiệm kỳ.
3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2017-2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Ban Tổng Giám đốc.
4. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty.
5. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
6. Thông qua tờ trình chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính của năm 2024.
7. Thông qua tờ trình về phê duyệt phương án vay, huy động vốn và Quyết định đầu tư Dự án.

Điều 2: Thông qua kết quả bầu cử Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Nhiệm kỳ (2024-2029):

- Danh sách trúng cử vào Hội đồng Quản trị Nhiệm kỳ (2024-2029) gồm các Ông/Bà sau:

STT	Họ và Tên	Tổng số quyền bầu	Tỷ lệ % so với tổng số quyền bầu	Kết quả bầu cử
1	Ông Nguyễn Văn A			Đạt
2	Ông Nguyễn Văn B			Đạt
3	Ông Nguyễn Văn C			Đạt
4	Ông Nguyễn Văn D			Đạt
5	Ông Nguyễn Văn E			Đạt

- Danh sách trúng cử vào Ban Kiểm soát Nhiệm kỳ (2024-2029) gồm các Ông/ Bà sau:

STT	Họ và Tên	Tổng số quyền bầu	Tỷ lệ % so với tổng số quyền bầu	Kết quả bầu cử
1	Ông Nguyễn Văn A			Đạt
2	Ông Nguyễn Văn B			Đạt
3	Ông Nguyễn Văn C			Đạt

- Kết quả phiên họp đầu tiên của HĐQT Nhiệm kỳ (2024-2029) bầu Chủ tịch HĐQT: Ông Nguyễn Văn A làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhiệm kỳ (2024-2029) với tổng số phiếu là 5/5 phiếu, chiếm tỷ lệ: 100%
- Kết quả phiên họp đầu tiên của Ban Kiểm soát Nhiệm kỳ (2024-2029) bầu Trưởng Ban kiểm soát: Ông Nguyễn Văn C làm Trưởng Ban kiểm soát Nhiệm kỳ (2024-2029) với tổng số phiếu bầu là 3/3 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%.

Điều 3. Giao cho Hội đồng Quản trị Công ty căn cứ Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ mà Đại hội đã đề ra.

Điều 4: Tất cả các cổ đông, thành viên Hội Đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt có trách nhiệm căn cứ Nghị quyết thi hành.

Nghị quyết được Đại hội Đồng cổ đông thường niên 2024 và Nhiệm kỳ (2024-2029) thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhân:

- Như Điều 3 (Để thực hiện)
- Lưu: VP Cty

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT (DLR)

Địa chỉ: 25 - Trần Phú - Đà Lạt - Điện thoại: 02633 822243 – Fax: 02633 821433

Website: dalatreal.com.vn – E-mail: dalatrealjsc@dalatreal.com.vn

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024 VÀ NHIỆM KỲ (2024-2029) CÔNG TY CP ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

---o0o---

NỘI QUY LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 và Nhiệm kỳ (2024-2029) Công ty Cổ phần Địa Ốc Đà Lạt được tổ chức vào lúc 8g 00phút ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt - số 25 Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

1/ Tất cả các cổ đông hoặc đại diện hợp lệ của cổ đông đã làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội được quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề thảo luận tại Đại hội. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông tham dự hợp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo Danh sách cổ đông được chốt ngày 26/8/2024.

2/ Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng có lý do và ủy quyền lại cho một ủy viên HĐQT, thì ủy viên HĐQT được ủy quyền làm chủ tọa Đại hội. Ban thư ký bao gồm các thành viên do HĐQT đề xuất và được Đại hội chấp thuận.

3/ Các cổ đông tham dự phải tuân theo sự điều hành của Chủ tọa Đại hội, tạo điều kiện cho Đại hội diễn ra một cách thuận lợi và thành công.

4/ Các cổ đông và đại diện cổ đông tham dự Đại hội cam kết giữ bí mật các công việc thuộc nội bộ Công Ty được thảo luận tại Đại hội.

5/ Nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ được Thư ký Đại hội ghi chép đầy đủ vào Biên bản của cuộc họp. Kết thúc phiên họp; Thư ký Đại hội phải lập Nghị quyết của Đại hội.

6/ Biên bản và Nghị quyết của Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ tại Công Ty.

7/ Một số quy định bắt buộc để Đại hội diễn ra thuận lợi và thành công:

- * Các cổ đông đến dự Đại hội phải ăn mặc nghiêm túc và lịch sự.
- * Khi cổ đông muốn phát biểu thì đề nghị giơ tay hoặc đăng ký với Đoàn thư ký để Chủ tọa Đại hội lên kế hoạch và mời phát biểu.
- * Không nói chuyện riêng để ảnh hưởng đến cuộc họp của Đại hội.
- * Điện thoại di động phải được tắt hoặc để ở chế độ rung.

Đà Lạt, ngày 18 tháng 9 năm 2024

TM. Ban Tổ chức Đại Hội



Trịnh Ngọc Thanh



- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

c) Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

+ Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ tiêu chuẩn có thể gửi hồ sơ ứng cử, đề cử trước **16h30 ngày 07/9/2024** theo địa chỉ:

Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2024 và nhiệm kỳ (2024-2029)

Công ty Cổ phần địa ốc Đà Lạt

Địa chỉ: 25 Trần Phú - Phường 3- Thành phố Đà Lạt

+ Hồ sơ ứng cử, đề cử bao gồm:

- ✓ Đơn ứng cử/đề cử ứng viên tham gia HĐQT và BKS (theo mẫu);
- ✓ Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
- ✓ Bản sao hợp lệ: CCCD, các bằng cấp, giấy chứng nhận trình độ học vấn và trình độ chuyên môn.
- ✓ Công văn của tổ chức (nếu cổ đông là tổ chức).

Điều 2: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty khác;

Điều 3: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 4. Phương thức Bầu dồn phiếu ứng viên HĐQT và BKS

a) Hình thức Phiếu bầu ứng viên HĐQT và BKS:

+ Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông theo ủy quyền đến dự Đại hội sẽ được phát một Phiếu Bầu cử để bầu thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát”.

+ Trên mỗi Phiếu bầu có ghi tên các ứng cử viên được đề cử vào BKS và HĐQT, có thông tin cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Khi cổ đông/đại diện cổ đông được phát Phiếu bầu phải kiểm tra lại mã số và số cổ phần ghi trên Phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay cho Ban Đăng ký tại thời điểm nhận Phiếu bầu.

b) Phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

* Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

* Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

- Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

c) Tổng số quyền bầu cử của cổ đông được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Tổng số} & & \text{Tổng số cổ} & & \text{Số} \\ \text{quyền} & & \text{phần nắm} & & \text{thành viên} \\ \text{bầu cử} & = & \text{giữ hoặc đại} & \times & \text{được bầu} \\ & & \text{diện} & & \end{array}$$

+ Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu”;



+ Nếu không bầu cho ứng cử viên, thì cổ đông để trống hoặc gạch chéo vào cột “Số phiếu bầu”;

+ Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên của HĐQT/ BKS của nhiệm kỳ mới);

Ví dụ:

- Số lượng thành viên bầu vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới là **05 người** (trong số 06 người được giới thiệu, đề cử), số lượng thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới là **03 người** (trong số 04 người được giới thiệu, đề cử). Ông X là cổ đông nắm giữ **1.000 cổ phần** có quyền biểu quyết. Như vậy, ông X có **quyền bầu cử HĐQT là $(1.000 \times 5) = 5.000$ phiếu** và **quyền bầu cử BKS là $(1.000 \times 3) = 3.000$ phiếu**.

- Khi bầu cử Hội đồng quản trị được thống nhất là 05 thành viên, ông X chia tổng số quyền bầu cử của mình là 5.000 phiếu cho **tối thiểu 01 ứng viên và tối đa là 05 ứng viên**. Cổ đông/đại diện cổ đông ghi vào Phiếu bầu như sau

<i>TT</i>	<i>Họ và tên ứng viên</i>	<i>Số quyền bầu</i>
1	Nguyễn A	500
2	Nguyễn B	1.200
3	Nguyễn C	1.000
4	Nguyễn D	X
5	Nguyễn E	1.300
6	Nguyễn F	1.000
	Tổng cộng	5.000

- Thực chất việc bầu cử là phân phối toàn bộ hoặc một phần của tổng số quyền bầu cử (tổng số phiếu bầu) của mình cho một hoặc một số ứng viên, trong đó số lượng phân phối cho mỗi ứng viên có thể khác nhau, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng viên đó. Trong ví dụ này, sẽ chọn ra 05 người trong số 06 ứng viên thì mỗi cổ đông (hoặc đại diện cổ đông) chỉ được phân phối cho tối đa là 05 người. Cổ đông/đại diện cổ đông có thể dồn hết phiếu bầu cho tối thiểu 01(một) ứng viên và tối đa 05 (năm) ứng viên cho HĐQT nhiệm kỳ mới và tổng số cổ phần cho tất cả ứng viên phải ít hơn hoặc bằng số cổ phần sở hữu nhân với số ứng viên được phép bầu.

- Tương tự cách bầu dồn phiếu được áp dụng đối với bầu thành viên Ban Kiểm soát.

d) Ứng cử viên trúng cử

- Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên trong nhiệm kỳ đã được Đại hội thông qua.

- Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí theo Quy chế này hoặc Điều

lệ công ty quy định.

Điều 5. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định].

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp [tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định].

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 6. Quy định về Phiếu bầu cử và phiếu biểu quyết KHÔNG hợp lệ

a) Quy định chung về phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử không hợp lệ:

+ Phiếu không do Ban tổ chức phát hành;

+ Phiếu không có dấu của Công ty Cổ phần địa ốc Đà Lạt;

+ Phiếu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.

b) Những Phiếu bầu cử sau đây là không hợp lệ:

+ Phiếu bầu nhiều hơn tổng số phiếu được phép bầu hoặc bầu quá số lượng thành viên trong nhiệm kỳ của HĐQT/BKS đã được đại hội thông qua;

+ Phiếu ghi tên và bầu người không có tên trong danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua;

+ Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử hoặc gạch xóa để gây hiểu lầm cho Ban Kiểm phiếu.

c) Những phiếu biểu quyết (các vấn đề khác) được coi là không hợp lệ khi:



+ Phiếu không điền vào ô nào hoặc điền vào hơn 1 ô trong cùng một nội dung biểu quyết;

+ Phiếu tẩy xóa, sửa chữa các ký hiệu trong ô biểu quyết dễ gây hiểu lầm hoặc phiếu điền hoặc viết/vẽ ngoài ô theo quy định;

+ Phiếu rách, không còn nguyên vẹn các ô để biểu quyết hoặc không đủ thông tin khiến Ban Kiểm phiếu không hiểu hoặc dễ hiểu lầm;

d) Những ý kiến trong phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử không hợp lệ sẽ không được tính vào kết quả kiểm phiếu.

Điều 7. Ban kiểm phiếu và nguyên tắc kiểm phiếu

a) Ban Kiểm phiếu

+ Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa cuộc họp đề cử và được Đại hội cổ đông thông qua;

+ Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới;

b) Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

+ Cổ đông sở hữu cổ phần và đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông có quyền biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội và bầu cử thành viên HĐQT và BKS của Công ty;

+ Trước khi tiến hành kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu chưa có phiếu nào trước sự chứng kiến của các cổ đông;

+ Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi có hiệu lệnh của chủ tọa cuộc họp và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ Phiếu bầu vào thùng phiếu trong thời gian cho phép của Đại hội;

+ Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc tại cuộc họp;

+ Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và công bố trước Đại hội.

Điều 8. Phạm vi và hiệu lực của Quy chế

+ Quy chế này được áp dụng trong phạm vi Đại hội cổ đông phiên họp thường niên năm 2024 và nhiệm kỳ (2024 – 2029) của Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt;

+ Quy chế này gồm 08 điều và được công khai trước và tại Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua;

+ Những khiếu nại về việc kiểm phiếu, biểu quyết và bầu cử sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp.

**T.M Ban Tổ chức
Trưởng Ban**



Trịnh Ngọc Thanh



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT (DLR)

Địa chỉ : 25 Trần Phú - Phường 3 - Đà Lạt - Điện thoại : 02633.822243 – Fax: 02633.821433
Website: dalatreal.com.vn - E-mail: dalatrealjsc@dalatreal.com.vn

THÔNG BÁO

Về các tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2024-2029)

Kính gửi: Quý cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty CP Địa Ốc Đà Lạt.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT (DLR) TRÂN TRỌNG THÔNG BÁO:

Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông hết nhiệm kỳ, DLR sẽ tiến hành bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2024-2029), Ban Tổ chức trân trọng thông báo đến Quý vị cổ đông về việc tham gia ứng cử, đề cử ứng viên vào các chức danh Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát của DLR như sau:

I. Mục tiêu:

- Đảm bảo các quyền của cổ đông theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức, tiến hành Đại hội đồng cổ đông.

II. Tự ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát (BKS):

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029 : 05 người.
- Số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029 : 03 người.

1. Điều kiện tự ứng cử, đề cử vào HDQT :

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Theo khoản 2, 3 Điều 24 Điều lệ công ty, việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

* HDQT: Các cổ đông và nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05



(năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

c) Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, các cổ đông khác đề cử.

d) Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

2. Điều kiện tự ứng cử, đề cử vào Ban kiểm soát :

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Theo khoản 1, 2 Điều 35 Điều lệ công ty, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

* Ban kiểm soát: Các cổ đông và nhóm cổ đông nắm giữ từ [5%] đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát.

c) Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, các cổ đông khác đề cử.

d) Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

* Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

* Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

* Là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

III. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT và BKS:

1. Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT và BKS (theo mẫu)
2. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu)
3. Bản sao Hộ chiếu nếu là Việt kiều, người nước ngoài và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

Lưu ý: Người được đề cử, tự ứng cử vào HĐQT, BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực nội dung hồ sơ tự ứng cử, đề cử của mình.

Trụ sở: 100 Đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại: 028.3541.1234 | Email: info@phatphat.com.vn

Trang 1

Trịnh Ngọc Thanh



QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Địa ốc Đà Lạt được ĐHĐCĐ thông qua ngày 18/9/2024;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 18/9/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Địa ốc Đà Lạt;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 18 tháng 9 năm 2024;

Điều 3. Các Ông (Bà): Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty cùng các Phòng, Ban, Đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (*Thực hiện*);
- Lưu: VT.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số ... /QĐ/HĐQT-DLR ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt)

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Địa ốc Đà Lạt

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày 18 tháng 9 năm 2024

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Địa ốc Đà Lạt bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có [5 thành viên].

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc

không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại [Điều lệ công ty].

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường

hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần phổ thông có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông như sau:

Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này cử; Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông

qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ

yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công ty].

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%); Trường

hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách

nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản

trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mỗi quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mỗi quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Địa ốc Đà Lạt bao gồm 12 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 9 năm 2024.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Số: /QĐ/BKS-DLR

Đà Lạt, ngày 18 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Địa ốc Đà Lạt được ĐHĐCĐ thông qua ngày 18/9/2024;
- Căn cứ Biên bản họp Ban kiểm soát ngày 18/9/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Địa ốc Đà Lạt;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 18 tháng 9 năm 2024;

Điều 3. Các Ông (Bà): Thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty cùng các Phòng, Ban, Đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Lưu: VT.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ/BKS-DLR ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt)

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Địa ốc Đà Lạt

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày 18 tháng 9 năm 2024

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Địa ốc Đà Lạt bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có [3 thành viên], nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công

ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải

pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của

thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày

có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Địa ốc Đà Lạt bao gồm [12 chương], [22 điều] và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 9 năm 2024./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Địa ốc Đà Lạt được ĐHĐCĐ thông qua ngày 18/9/2024;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 18/9/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty kèm theo quyết định này trên cơ sở hợp nhất, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung và thay thế cho Quy chế Quản trị Công ty đã ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2016;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 18 tháng 9 năm 2024;

Điều 3. Các Ông (Bà): Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty cùng các Phòng, Ban, Đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Lưu: VT.

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ/HĐQT-DLR ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt)

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Địa ốc Đà Lạt;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày 18 tháng 9 năm 2024

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Địa ốc Đà Lạt bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau

đây:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các quy định tại Điều lệ công ty;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;

- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

- Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp,

- Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.

- Thông báo mời họp phải được gửi theo các tài liệu sau đây:

+ Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

+ Phiếu biểu quyết;

+ Mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp.

- Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp trên đây có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

- HĐQT có trách nhiệm sắp xếp chương trình họp ĐHĐCĐ một cách hợp lý, bố trí thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ.

- Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp ĐHĐCĐ, Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp ĐHĐCĐ.

đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);

- Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- + Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội theo quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty;
- + Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- + Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

- Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán theo quy định, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại [Khoản 2 Điều 11](#) Điều lệ công ty có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

- + Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - + Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
- Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
- Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được

coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 15 Điều lệ công ty và thực hiện theo quy định sau:

- Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

- Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- + Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- + Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- + Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

- Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện dưới đây trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại:

- + Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- + Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- + Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp.

h) Điều kiện tiến hành:

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [51%] tổng số phiếu biểu quyết;

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên;

- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản và theo quy định tại Điều lệ công ty.

k) Cách thức bỏ phiếu;

l) Cách thức kiểm phiếu;

m) Điều kiện để nghị quyết được thông qua;

Trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp thì nghị quyết được thông qua khi đáp ứng được yêu cầu sau:

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

+ Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;

+ Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

+ Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

+ Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

+ Thông qua báo cáo tài chính năm;

+ Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;

+ Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

+ Tổ chức lại, giải thể công ty;

- Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [51%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

+ Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- + Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- + Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.

n) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

Biên bản ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty

o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- + Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- + Chương trình và nội dung cuộc họp;
- + Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- + Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- + Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- + Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- + Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông báo trên Website của công ty và công bố thông tin ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp tất cả cổ đông đại diện một trăm phần trăm (100%) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại ĐHĐCĐ, nhưng quyết định được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;

- Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp;
- Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật này;

- Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - + Mục đích lấy ý kiến;
 - + Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - + Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - + Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - + Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - + Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
- Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - + Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - + Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng + vấn đề;

- + Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
 - + Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
 - Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;
 - Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
 - Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:
- Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi triển khai thực hiện

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị).
- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
 - Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - + Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - + Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - + Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- + Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - + Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật này;
 - + Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - + Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - + Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật này;
 - + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - + Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - + Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - + Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - + Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - + Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - + Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
 - + Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
- Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải

đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người.
- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;

- Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

- Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT:

- + Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- + Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- + Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
- Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;

- Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng

quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- + Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - + Trình độ chuyên môn;
 - + Quá trình công tác;
 - + Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - + Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - + Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - + Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (*Nếu có*).
- Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

- + Trước và trong cuộc họp ĐHĐCĐ, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử và dồn phiếu cho người do họ đề cử.
- + Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm. Số lượng ứng cử viên mà các nhóm có quyền đề cử thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

- Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- + Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp;
- + Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- + Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- + Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- + Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- + Trừ những trường hợp quy định nêu ở trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

- Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả công đồng dự họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Trước và trong cuộc họp ĐHĐCĐ, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử và dồn phiếu cho người do họ đề cử.

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

- Trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

- Bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn xin từ chức, Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới theo quy định.

4. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

- Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

- Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

- Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

- Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách

nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm;

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần.

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

+ Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;

+ Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

+ Ban kiểm soát.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định);

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

e) Cách thức biểu quyết;

- Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định nêu trên được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

- Trừ quy định nêu trên, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

- Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- + Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- + Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định;
- + Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- + Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

- Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến

tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%); Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;

Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- + Thời gian, địa điểm họp;
- + Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- + Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- + Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- + Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- + Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- + Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- + Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

- Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

- Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm i khoản 4 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Các nghị quyết của HĐQT phải được thông báo cho Tổng giám đốc, ban kiểm soát và công bố thông tin các nội dung theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

6. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)

- Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.] Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

- Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

7. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

- Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

- Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
 - + Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều này.
 - + Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
 - + Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được thông báo theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

- Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty:
 - + Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - + Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- + Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- + Tham dự các cuộc họp;
- + Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- + Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- + Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- + Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- + Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này.
- Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi,

bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

- Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát;

- Ban kiểm soát của Công ty là 03 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

- Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc

người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;

- Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- + Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- + Trình độ chuyên môn;
- + Quá trình công tác;
- + Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh của công ty khác);
- + Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- + Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- + Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;

- Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;

- Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- + Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - + Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - + Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
- Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
- + Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - + Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - + Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - + Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;
- Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
- + Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - + Trình độ chuyên môn;
 - + Quá trình công tác;
 - + Các chức danh quản lý khác;
 - + Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - + Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - + Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
- Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.
- g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.
- Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:
- Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định

tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

- Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

- Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

- Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- + Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- + Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- + Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

- + Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- + Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- + Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

- + Tuyển dụng lao động;

- + Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- + Kiến nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc và Kế toán trưởng các đơn vị trực thuộc

- + Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc;

- Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

+ Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

+ Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

+ Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc;

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc điều hành;

c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;

Hội đồng quản trị ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác.

d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Việc chấm dứt hợp đồng lao động thực hiện theo Bộ luật lao động.

đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Tổng Giám đốc;

việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thực hiện công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin theo quy định của công ty đại chúng.

e) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.

Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

- Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo

luận nhưng không được biểu quyết.

- Khi thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị có thể mời Ban Tổng Giám đốc hoặc Người điều hành khác có liên quan tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị.

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản được thực hiện theo quy định của Quy chế này.

- Tại các phiên họp định kỳ, đột xuất của Ban điều hành, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp có thể quyết định mời Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải lập thành biên bản và gửi về Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để báo cáo.

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;

Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tới các Kiểm soát viên trong thời hạn mười (07) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc;

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

d) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:

- + Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 03 người điều hành khác;

- + Ban kiểm soát;

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại điểm d, khoản 1 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở điểm d, khoản 1 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

đ) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này định kỳ theo quy định và khi được yêu cầu.

- Tổng Giám đốc phải báo cáo trong các cuộc họp Hội đồng quản trị về các

vấn đề sau: các quyết định trong quá trình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, đầu tư, hoạt động quản trị Tổng Công ty theo quy định tại Nghị quyết Phân cấp thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Tổng Công ty, cổ đông và thị trường, các rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác

- Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ, kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trước Hội đồng quản trị.

- Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo cầu của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất theo yêu cầu.

e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc;

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và các vấn đề được Hội đồng quản trị phân cấp đồng thời có trách nhiệm báo cáo các nội dung đã thực hiện hoặc chưa thực hiện cũng như kết quả việc thực hiện khi Hội đồng quản trị yêu cầu.

g) Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này định kỳ theo quy định và khi được yêu cầu.

- Tổng Giám đốc phải báo cáo trong các cuộc họp Hội đồng quản trị về các vấn đề sau: các quyết định trong quá trình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, đầu tư, hoạt động quản trị Tổng Công ty theo quy định tại Nghị quyết Phân cấp thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Tổng Công ty, cổ đông và thị trường, các rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác

- Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ, kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trước Hội đồng quản trị.

- Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo cầu của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất theo yêu cầu.

h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

- Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

+ Hội đồng quản trị đảm bảo rằng tất cả tài liệu, thông tin về nội dung họp, tài liệu liệu, biên bản họp, nghị quyết họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các báo cáo của Tổng giám đốc và người điều hành khác trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành, được cung cấp cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và phương thức như cung cấp với thành viên Hội đồng quản trị.

+ Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

- Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

+ Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện cung cấp thông tin theo định kỳ các công việc theo quy định của Tổng Công ty.

+ Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến công việc mà thành viên Ban kiểm soát được phân công thực hiện.

+ Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát

+ Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất. Các văn bản báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;

3. Các vấn đề khác (nếu có).

- Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị:

+ Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và các đơn vị báo cáo thực hiện việc cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Tổng Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin, số liệu báo cáo, cung cấp cho Hội đồng quản trị phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, phản ánh đúng tình hình hoạt động của Tổng Công ty, phù hợp với yêu cầu quản trị và quy định pháp luật.

+ Tổng Giám đốc có trách nhiệm thiết lập và duy trì thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với Hội đồng quản trị bao gồm cả cách thức gửi/nhận thông tin, báo cáo đảm bảo an toàn, bảo mật theo quy định của Hội đồng quản trị.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Địa ốc Đà Lạt bao gồm [7 điều] và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 9 năm 2024.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Đà Lạt, ngày 18 tháng 9 năm 2024

MỤC LỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT	1
CHƯƠNG I:	5
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
CHƯƠNG II:.....	6
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
CHƯƠNG III:	7
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	8
CHƯƠNG IV:.....	8
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	8
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	9
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	10
CHƯƠNG V:	11
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	11
CHƯƠNG VI:.....	11
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	11
Điều 11. Quyền của cổ đông	11
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16. Thay đổi các quyền	17
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	22
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
CHƯƠNG VII	25
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	28
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	31
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty	31
CHƯƠNG VIII.....	32
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	32
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	32

Điều 33. Người điều hành Công ty.....	32
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	32
CHƯƠNG IX	33
BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	33
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát.....	33
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát	34
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	34
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát	35
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát....	35
CHƯƠNG X:	36
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	36
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	37
CHƯƠNG XI:.....	37
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	37
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	37
CHƯƠNG XII:	38
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	38
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn.....	38
CHƯƠNG XIII:.....	38
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	38
Điều 45. Phân phối lợi nhuận	38
CHƯƠNG XIV:.....	39
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH.....	39
VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	39
Điều 46. Tài khoản ngân hàng.....	39
Điều 47. Năm tài chính.....	39
Điều 48. Chế độ kế toán	39
CHƯƠNG XV:	40
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN	40
VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	40
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	40
Điều 50. Báo cáo thường niên.....	40
CHƯƠNG XVI:	40
KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	40
Điều 51. Kiểm toán.....	40
CHƯƠNG XVII:	41
MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN.....	41
Điều 52. Hình thức tổ chức của Công ty.....	41
Điều 53. Quan hệ giữa Công ty Cổ phần địa ốc Đà Lạt và Công ty trực thuộc là Công ty TNHH một thành viên	41
Điều 54. Quan hệ giữa Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt với Công ty liên kết.....	42
Điều 55. Quan hệ giữa Công ty cổ phần Địa ốc Đà Lạt với các đơn vị hạch toán phụ thuộc	42
Điều 56. Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt và các Công ty trực thuộc	42
CHƯƠNG XVIII:.....	43
QUẢN LÝ PHẦN VỐN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT	43
TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC	43
Điều 57. Đại diện Chủ sở hữu của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt tại doanh nghiệp khác	43

Điều 58. Quyền của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt đối với phần vốn góp ở các doanh nghiệp khác	43
Điều 59. Trách nhiệm của người đại diện vốn chủ sở hữu Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt ở doanh nghiệp khác	44
Điều 60. Nghĩa vụ của người đại diện vốn chủ sở hữu Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt ở doanh nghiệp khác	44
CHƯƠNG XIX:.....	44
DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	44
Điều 61. Dấu của doanh nghiệp	44
CHƯƠNG XX:	45
GIẢI THỂ CÔNG TY.....	45
Điều 62. Giải thể công ty.....	45
Điều 63. Gia hạn hoạt động.....	45
Điều 64. Thanh lý	45
CHƯƠNG XXI:.....	46
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	46
Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ	46
CHƯƠNG XXII:	46
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	46
Điều 66. Điều lệ công ty	46
CHƯƠNG XXIII:.....	47
NGÀY HIỆU LỰC.....	47
Điều 67. Ngày hiệu lực	47

CHƯƠNG I:

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II:

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT**

Tên tiếng Anh: **DALAT REAL ESTATE JOIN STOCK COMPANY**

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT**

Tên viết tắt : **DALAT - REALCO**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ: Số 25 đường Trần Phú - Phường 3 - Thành phố Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633 822 243

Fax : 02633 821 433

E-mail : dalatrealjsc@dalatreal.com.vn

Website : dalatreal.com.vn

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty CP Địa ốc Đà Lạt:

Người đại diện thứ nhất: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện thứ hai: Tổng Giám đốc

5. Người đại diện của pháp luật Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 12 luật doanh nghiệp 2020.

6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 62 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 63 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và có thời hạn là 70 năm.

CHƯƠNG III:

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là :

- a/ Kinh doanh bất động sản;
- b/ Kinh doanh dịch vụ bất động sản;
- c/ Thi công xây lắp các công trình:
 - + Công nghiệp
 - + Dân dụng;
 - + Giao thông;
 - + Thủy lợi;
 - + Công trình điện (từ 35KV trở xuống);
 - + Hạ tầng kỹ thuật.

d/ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, sản phẩm bê tông, vận tải hàng hóa;

e/ Các hoạt động tư vấn xây dựng:

- + Công nghiệp;
- + Dân dụng;
- + Giao thông;
- + Thủy lợi;
- + Vật liệu xây dựng;
- + Hạ tầng kỹ thuật;

f/ Tư vấn quy hoạch xây dựng;

g/ Khảo sát xây dựng;

h/ Kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống, giải trí, dịch vụ lễ hành, vận chuyển hành khách;

i/ Đào tạo nghề cho công nhân xây dựng;

k/ Các ngành nghề kinh doanh, dịch vụ mà pháp luật không cấm và được phép đăng ký kinh doanh.

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là để sử dụng một cách có hiệu quả vốn góp của các cổ đông trong các lĩnh vực hoạt động; Mang lại và cung cấp cho xã hội, thị trường các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, tạo công ăn việc làm cho người lao động và đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV:

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Tại ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là **45.000.000.000** đồng (*Bốn mươi lăm tỷ đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **4.500.000** cổ phần với mệnh giá là **10.000** đồng/ 1 cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt và cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11 và Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có quyền phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty.

Trường hợp cổ đông chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.

Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

5. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật doanh nghiệp và được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

6. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người quản lý khác cũng được thừa kế; nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu không đương nhiên được thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương đương.

7. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất tiền gửi của Ngân hàng thương mại vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến

ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V:

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
3. Tổng giám đốc điều hành.

CHƯƠNG VI:

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ

đồng sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [5%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [05 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông

đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo

quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực

tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu

trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông

hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [51%] tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng

cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định

được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh

quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và

nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội

bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi

nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%); Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.] Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị

và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn,

điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Kiến nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc và Kế toán trưởng các đơn vị trực thuộc
- j) Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm

kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- d) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- đ) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm

toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng

năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X:

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp

sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI:

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông

trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII:

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII:

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc

thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV:

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH

VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI:

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo

cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII:

MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Điều 52. Hình thức tổ chức của Công ty

1. Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt có các Công ty trực thuộc, là một trong các hình thức của nhóm Công ty, có chức năng trực tiếp sản xuất kinh doanh, hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan; thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn đầu tư, vốn góp vào các Công ty trực thuộc, Công ty liên kết.

2. Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt (chủ sở hữu) quản lý phần vốn chi phối đối với Công ty trực thuộc là Công ty TNHH một thành viên và vốn góp không chi phối đối với Công ty liên kết là Công ty TNHH thông qua người đại diện phần vốn của chủ sở hữu ở Công ty TNHH một thành viên và Công ty liên kết và tự trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn góp vào các Công ty đó.

3. Các Công ty trực thuộc là các Công ty có vốn chi phối của Công ty Cổ phần địa ốc Đà Lạt, được tổ chức dưới các hình thức: Công ty TNHH; Công ty hạch toán phụ thuộc.

4. Công ty liên kết là Công ty có vốn góp không chi phối (<50%) của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt, được tổ chức dưới hình thức: Công ty TNHH.

Điều 53. Quan hệ giữa Công ty Cổ phần địa ốc Đà Lạt và Công ty trực thuộc là Công ty TNHH một thành viên

1. Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt là chủ sở hữu đối với Công ty TNHH một thành viên do Công ty thành lập; thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Công ty TNHH một thành viên theo quy định tại các Điều 76, Điều 77 và Điều 79 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Tùy thuộc vào loại hình pháp lý của Công ty trực thuộc; Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là chủ sở hữu trong quan hệ với công ty trực thuộc theo quy định tương ứng của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

3. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt và Công ty trực thuộc đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, buộc Công ty trực thuộc phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho Công ty trực thuộc thì Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt chịu trách nhiệm về các thiệt hại đó.

5. Người quản lý của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt chịu trách nhiệm về việc can thiệp buộc Công ty trực thuộc thực hiện hoạt động kinh doanh quy định tại khoản 4 Điều này phải liên đới cùng Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt chịu trách nhiệm về các thiệt hại đó.

Điều 54. Quan hệ giữa Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt với Công ty liên kết.

Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt thực hiện quyền, nghĩa vụ của bên góp vốn thông qua người đại diện của mình tại Công ty liên kết, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ của Công ty liên kết.

Điều 55. Quan hệ giữa Công ty cổ phần Địa ốc Đà Lạt với các đơn vị hạch toán phụ thuộc

1. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc có quyền tự chủ kinh doanh theo phân cấp của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt, chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt. Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt chịu trách nhiệm cuối cùng về các nghĩa vụ tài chính phát sinh do sự cam kết của các đơn vị này.

2. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc được ký kết các hợp đồng kinh tế, được chủ động thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo phân cấp của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt. Quyền hạn, nhiệm vụ của các đơn vị hạch toán phụ thuộc được cụ thể hoá trong Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị đó do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt phê chuẩn.

Điều 56. Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt và các Công ty trực thuộc

1. Việc lập Báo cáo tài chính và các báo cáo có liên quan phải được thực hiện theo quy định của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt và Pháp luật hiện hành,

2. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt còn phải lập các báo cáo sau đây:

a. Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty theo quy định của pháp luật về kế toán;

b. Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm của nhóm Công ty;

c. Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của nhóm Công ty;

3. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này chưa được lập và đệ trình báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các Công ty trực thuộc.

4. Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt, người đại diện theo pháp luật của các Công ty trực thuộc phải cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của nhóm Công ty.

5. Các báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hàng năm của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt, của các Công ty trực thuộc và các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của cả nhóm Công ty phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt.

6. Đối với các Công ty trực thuộc, ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định của pháp luật, còn phải lập và đệ trình Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt các báo cáo khác theo yêu cầu.

7. Thời hạn nộp báo cáo tài chính và các báo cáo liên quan phải được thực hiện theo quy định của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt và pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII:

QUẢN LÝ PHẦN VỐN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 57. Đại diện Chủ sở hữu của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt tại doanh nghiệp khác

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt là chủ sở hữu đối với phần vốn của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt được đầu tư tại doanh nghiệp khác. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt thực hiện chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ sở hữu đối với phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Điều 58. Quyền của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt đối với phần vốn góp ở các doanh nghiệp khác

1. Quyết định đầu tư góp vốn; tăng, giảm vốn đầu tư, vốn góp theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt và Điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt.

2. Cử, thay đổi, bãi miễn người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt (sau đây gọi là người đại diện) theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp có phần vốn góp của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt (sau đây gọi là doanh nghiệp khác) và Luật doanh nghiệp; cử người của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt tham gia hội đồng thành viên ở các doanh nghiệp mà Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt tham gia góp vốn.

3. Quyết định khen thưởng, kỷ luật, phụ cấp và lợi ích khác có liên quan đối với người đại diện. Chi phí, phụ cấp trách nhiệm, thưởng và lợi ích khác có liên quan đối với người đại diện được tính vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp đó.

4. Yêu cầu người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, công tác quản lý tài chính, quản lý vốn, tài sản và các nội dung khác về doanh nghiệp đó.

5. Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện xin ý kiến về những vấn đề quan trọng quy định tại khoản 2 Điều 54 Điều lệ này của doanh nghiệp có vốn góp của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt trước khi tham gia biểu quyết tại doanh nghiệp đó.

6. Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt góp ở doanh nghiệp khác. Phần vốn thu về, kể cả lợi tức được chia do Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt quyết định sử dụng để phục vụ các mục tiêu kinh doanh của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt.

7. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng vốn góp của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt ở doanh nghiệp khác.

Điều 59. Trách nhiệm của người đại diện vốn chủ sở hữu Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt ở doanh nghiệp khác

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong doanh nghiệp có vốn góp của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt theo quy định của pháp luật và điều lệ doanh nghiệp đó. Trường hợp Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt chi phối vốn Điều lệ tại doanh nghiệp khác, thì người đại diện vốn Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt sử dụng quyền chi phối để định hướng doanh nghiệp đó thực hiện mục tiêu do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt quy định. Yêu cầu doanh nghiệp mà mình làm đại diện chuyển lợi tức được chia về Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt.

2. Tham gia ứng cử hoặc đề cử vào bộ máy quản lý, điều hành tại doanh nghiệp có vốn góp của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt theo Điều lệ của doanh nghiệp đó.

3. Theo dõi và giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có vốn góp của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt.

4. Người đại diện vốn chủ sở hữu Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt tại doanh nghiệp khác nếu trực tiếp tham gia quản lý điều hành doanh nghiệp thì được hưởng lương, các khoản phụ cấp và tiền thưởng theo quy định của doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp trả. Trường hợp làm việc kiêm nhiệm thì tiền lương do Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt trả; doanh nghiệp trả thù lao và các khoản chi phí hợp lý khác. Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt sẽ xây dựng chính sách thu nhập công bằng, hợp lý cho những người được cử trực tiếp quản lý, điều hành ở doanh nghiệp khác.

Điều 60. Nghĩa vụ của người đại diện vốn chủ sở hữu Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt ở doanh nghiệp khác

1. Thực hiện báo cáo Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt về hiệu quả sử dụng phần vốn của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt tại doanh nghiệp khác.

2. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt về hiệu quả sử dụng vốn góp của Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt ở doanh nghiệp mà mình làm đại diện.

CHƯƠNG XIX:

DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 61. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ

ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XX:

GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 62. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 63. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất [7 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 64. Thanh lý

1. Tối thiểu [06 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án

và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XXI:

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 [hai mươi ngày] làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng [06 tuần] từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XXII:

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 66. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem

xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXIII:

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 67. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm [23 mục, 67 điều] được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Địa ốc Đà Lạt nhất trí thông qua ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại TP Đà Lạt và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này; Điều lệ này thay thế Điều lệ của Công ty CP Địa ốc Đà Lạt đã thông qua vào ngày 29 tháng 4 năm 2016.

2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty.

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

"Độc lập - Tự do - Hạnh phúc"

-----0380-----



Đà Lạt, ngày ... tháng 9 năm 2024

GIẤY XÁC NHẬN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

VÀ NHIỆM KỲ (2024 -2029)

Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐHĐCĐ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Họ tên cổ đông là tổ chức:

Số cổ phần sở hữu của tổ chức : cổ phần ⁽¹⁾ của Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt.

Họ tên cổ đông là cá nhân:.....

Số CCCD / Hộ chiếu:cấp ngày:...../...../.....

Địa chỉ:

Số cổ phần sở hữu của cá nhân :cổ phần ⁽¹⁾ của Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt.

Tổng số cổ phần sở hữu:cổ phần.

Căn cứ Thông báo Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 và nhiệm kỳ (2024-2029) của Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 và Nhiệm kỳ (2024-2029), tôi xin xác nhận như sau:

☐

Đồng ý tham gia Đại hội

☐

Không đồng ý tham gia Đại hội

Để thuận tiện cho công tác tổng hợp tổ chức Đại hội, Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội và gửi Giấy xác nhận theo hình thức gửi qua đường Bưu điện hoặc Email trước 16h30 ngày 13/9/2024 tại địa chỉ:

- Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt
- Địa chỉ : 25 Trần Phú - Phường 3 - Thành phố Đà Lạt.
- Số điện thoại: 02633 822243
- Email: hdqt@dalatreal.com.vn .

Xin trân trọng cảm ơn !

TỔ CHỨC/ NGƯỜI THAM DỰ

(Ký đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (1): Số lượng cổ phần sở hữu theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 26/8/2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



..... ngày tháng năm 2024

**GIẤY ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN 2024 VÀ
NHIỆM KỲ (2024-2029)**

(Dành cho trường hợp Bên ủy quyền là CÁ NHÂN)

Kính gửi: Công ty CP địa ốc Đà Lạt

Tôi tên là:

CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số cổ phần: cổ phần.

Ủy quyền cho Ông, Bà/ HĐQT:

CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Thay mặt tôi tham dự và biểu quyết các vấn đề liên quan tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 và nhiệm kỳ (2024-2029) ngày 18/9/2024 của Công ty CP địa ốc Đà Lạt trong phạm vi số cổ phần thuộc sở hữu của tôi.

Tôi cam kết: Chịu trách nhiệm về việc thực hiện nội dung ủy quyền và được ủy quyền nêu trên, không có bất kỳ thắc mắc hay khiếu nại, khiếu kiện nào đối với Công ty.

Thời hạn ủy quyền: Từ ngày ký đến khi Đại hội kết thúc.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Người được ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Quý vị cổ đông có thể ủy quyền cho người khác hoặc Hội đồng quản trị Công ty CP địa ốc Đà Lạt tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 và nhiệm kỳ (2024-2029).

⁽¹⁾ **Chú thích:** Số lượng cổ phần sở hữu theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 26/8/2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- (38) -----

..... ngày tháng năm 2024

**GIẤY ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024 VÀ
NHIỆM KỲ (2024-2029)**

(Dành cho trường hợp Bên ủy quyền là TỔ CHỨC)

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

BÊN ỦY QUYỀN:

Giấy phép ĐKKD số: cấp ngày: tại:

Đại diện theo pháp luật:.....

Số CCCD:..... cấp ngày:..... tại:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

Mã cổ đông:.....Số cổ phần sở hữu⁽¹⁾:.....

BÊN NHÂN ỦY QUYỀN:.....

CCCD số: cấp ngày: tại:

Dia chi:

Điện thoại:

Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền thay mặt Bên ủy quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề có liên quan tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 và nhiệm kỳ (2024-2029) của Công ty CP địa ốc Đà Lạt.

Cam kết:

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh Nội quy Đại hội cũng như các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty CP địa ốc Đà Lạt, đồng thời cam kết không có bất cứ khiếu nại, khiếu kiện nào đối với Công ty.

Rất mong được sự quan tâm chấp thuận của Công ty. Xin trân trọng cảm ơn !

Bên nhận ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên)

Bên ủy quyền

(Đại diện theo pháp luật của Công ty ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bên ủy quyền có thể ủy quyền cho tổ chức khác hoặc Hội đồng quản trị Công ty CP địa ốc Đà Lạt tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và nhiệm kỳ (2024-2029).

Chủ thích: Số lượng cổ phần sở hữu theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 26 /8 /2024..

Kính gửi : Ba

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ (2024 – 2029)
Công ty Cổ phần Địa Ốc Đà Lat

(ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ (2024-2029)**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ (2024 – 2029)
Công ty Cổ phần Địa Ốc Đà Lạt

Tôi tên là :

Là đại diện hợp pháp của (tổ chức)

(theo Giấy ủy quyền số kèm theo)

Đang sở hữu cổ phần (bằng chữ :

.....) và là đại diện ứng cử cổ phần (tên cá

nhân, tổ chức :

Tổng số cổ phần sở hữu và cổ phần đại diện ứng cử là cổ phần (bằng
chữ :

Tương ứng % vốn điều lệ của Công ty.

Xét đã thỏa mãn các điều kiện được quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty
Cổ phần Địa ốc Đà Lạt, tôi làm đơn này xin được tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị
Công ty.

***Các hồ sơ đính kèm theo đơn này bao gồm :**

- 1- Sơ yếu lý lịch có dán ảnh
- 2- Bản sao CCCD (có công chứng);
- 3- Bản sao các văn bằng (có công chứng) ;
- 4- Giấy ủy quyền ứng cử (nếu được các cổ đông là cá nhân ủy quyền ứng cử) ;
- 5- Giấy ủy quyền là đại diện hợp pháp của tổ chức (nếu được tổ chức ủy quyền ứng cử);

Nếu được trúng cử, tôi cam kết sẽ tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và Điều
lệ Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt.

Trân trọng!

....., ngày tháng năm 2024

Ứng cử viên

(ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ (2024-2029)

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ (2024 – 2029)
Công ty Cổ phần Địa Ốc Đà Lạt

Tên cổ đông/ đại diện nhóm cổ đông :
.....(trường hợp là đại diện nhóm cổ đông phải có biên bản họp nhóm cổ đông đính kèm)

CCCD/HC/GĐKKD số:Cấp ngày:tại:

Địa chỉ thường trú :

Điện thoại:Fax:

Đang sở hữucổ phần (bằng chữ :
.....) và cổ phần đại diện ứng cử cổ phần
(tên cá nhân, tổ chức :)

Tổng số cổ phần sở hữu và cổ phần đại diện là:.....cổ phần
(bằng chữ:.....) Tương ứng:.....% vốn
điều lệ của Công ty.

Xét đã thỏa mãn các điều kiện được quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty Cổ
phần Địa ốc Đà Lạt, cổ đông/nhóm cổ đông xin được đề cử :

Ông/ Bà :, sinh ngày..... Quốc tịch:.....

CCCD (Hộ chiếu) số : Cấp ngày : tại.....

Địa chỉ thường trú :

Điện thoại : Fax :

Trình độ văn hoá : Trình độ chuyên môn :

Đơn vị công tác hiện nay : Chức vụ :

Làm ứng viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt nhiệm kỳ (2024-2029).

Trân trọng đề cử!

***Các hồ sơ đính kèm theo đơn này bao gồm :**

- 1- Sơ yếu lý lịch có dán ảnh
 - 2- Bản sao CCCD (có công chứng);
 - 3- Bản sao các văn bằng (có công chứng) ;
 - 4- Giấy ủy quyền ứng cử (nếu được các cổ đông là cá nhân ủy quyền ứng cử) ;
 - 5- Giấy ủy quyền là đại diện hợp pháp của tổ chức (nếu được tổ chức ủy quyền ứng cử);
- Nếu được trúng cử, tôi cam kết sẽ tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt.

....., ngày tháng năm 2024

Người đề cử

(ký , ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ (2024-2029)

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ (2024 – 2029)
Công ty Cổ Phần Địa Ốc Đà Lạt

Tôi tên là :

Là đại diện hợp pháp của (tổ chức)

(theo Giấy ủy quyền số kèm theo)

Đang sở hữu cổ phần (bằng chữ :

.....) và là đại diện ứng cử cổ phần (tên cá nhân, tổ chức :

Tổng số cổ phần sở hữu và cổ phần đại diện ứng cử là cổ phần (bằng chữ :

Tương ứng % vốn điều lệ của Công ty.

Xét đã thỏa mãn các điều kiện được quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt, tôi làm đơn này xin được tham gia ứng cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty.

**Các hồ sơ đính kèm theo đơn này bao gồm :*

- 1- Sơ yếu lý lịch có dán ảnh
- 2- Bản sao CCCD (có công chứng);
- 3- Bản sao các văn bằng (có công chứng) ;
- 4- Giấy ủy quyền ứng cử (nếu được các cổ đông là cá nhân ủy quyền ứng cử) ;
- 5- Giấy ủy quyền là đại diện hợp pháp của tổ chức (nếu được tổ chức ủy quyền ứng cử);

Nếu được trúng cử, tôi cam kết sẽ tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt

Trân trọng !

....., ngày tháng năm 2024

Ứng cử viên

(ký và ghi rõ họ tên)

HÌNH
3X4



SƠ YẾU LÝ LỊCH
Ứng viên tham gia ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT
Nhiệm kỳ 2024 - 2029

1. Họ & tên : Giới tính :
2. Sinh ngày tháng năm Quốc tịch :
3. Nơi sinh :
4. CCCD (Hộ chiếu) số : Cấp ngày : tại
5. Địa chỉ thường trú :
6. Địa chỉ liên lạc :
7. Điện thoại : Fax :
8. Trình độ văn hoá : Trình độ chuyên môn :
9. Quá trình công tác :

Thời gian (từ ... đến)	Đơn vị công tác	Chức vụ

10. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ Phần Địa Ốc Đà Lạt:.....
11. Các chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:.....
12. Lợi ích có liên quan tới Công ty Cổ Phần Địa Ốc Đà Lạt:.....
13. Số lượng cổ phần được ủy quyền đại diện : cổ phần.
14. Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu:.....cổ phần

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật và bản thân hoàn toàn đáp ứng đủ điều kiện ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt (Nhiệm kỳ 2024 – 2029) theo quy định, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 2024

Người khai
(ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG.HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HÌNH
3X4



SƠ YẾU LÝ LỊCH
ỨNG VIÊN THAM GIA ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT
Nhiệm kỳ 2024 – 2029

1. Họ & tên : Giới tính :
2. Sinh ngày tháng năm Quốc tịch :
3. Nơi sinh :
4. CCCD (Hộ chiếu) số : Cấp ngày : tại
5. Địa chỉ thường trú :
6. Địa chỉ liên lạc :
7. Điện thoại : Fax :
8. Trình độ văn hoá : Trình độ chuyên môn :
9. Quá trình công tác :

Thời gian (từ ... đến)	Đơn vị công tác	Chức vụ

10. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ Phần Địa Ốc Đà Lạt:.....

11. Các chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

12. Lợi ích có liên quan tới Công ty Cổ Phần Địa Ốc Đà Lạt:.....

13. Số lượng cổ phần được ủy quyền đại diện : cổ phần.

14. Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: cổ phần

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật và bản thân hoàn toàn đáp ứng đủ điều kiện ứng cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần địa ốc Đà Lạt (Nhiệm kỳ 2024 – 2029) theo quy định, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 2024

Người khai
(ký và ghi rõ họ tên)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
CTY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Đà Lạt, ngày 18 tháng 9 năm 2024

**PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ (2024-2029)**

1. Thông tin của cổ đông tham gia bầu cử :

- Mã số cổ đông :
- Tên cổ đông :
- Số cổ phần sở hữu và đại diện :
- Số TV. HĐQT nhiệm kỳ (2024-2029) : 05 thành viên
- Tổng số quyền bầu :

2. Phần bầu cử :

Số TT	Họ và tên	Số quyền bầu
1	Nguyễn Văn A	
2	Nguyễn Văn B	
3	Nguyễn Văn C	
4	Nguyễn Văn D	
5	Nguyễn Văn E	
6	Nguyễn Văn F	
	Tổng cộng (không quá)	

3. Hướng dẫn:

- Cổ đông có quyền biểu quyết hết toàn bộ hoặc một phần tổng số quyền bầu của mình cho từ 1 đến 5 ứng viên, phần quyền bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ thành viên nào. Tổng số quyền bầu cho các ứng viên cộng lại không được quá quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.
- Không bầu cho ứng viên nào phải có dấu gạch chéo (x) vào ô số quyền bầu của ứng viên đó.
- Số quyền bầu cho mỗi ứng viên có thể khác nhau tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của cổ đông đối với ứng viên đó.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
CTY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Đà Lạt, ngày 18 tháng 9 năm 2024

PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ (2024-2029)

1. Thông tin của cổ đông tham gia bầu cử :

- Mã số cổ đông :
- Tên cổ đông :
- Số cổ phần sở hữu và đại diện :
- Số TV, BKS nhiệm kỳ (2024-2029) : 03 thành viên
- Tổng số quyền bầu :

2. Phân bầu cử :

Số TT	Họ và tên	Số quyền bầu
1	Nguyễn Văn A	
2	Nguyễn Văn B	
3	Nguyễn Văn C	
4	Nguyễn Văn D	
	Tổng cộng (không quá)	

3. Hướng dẫn:

- Cổ đông có quyền biểu quyết hết toàn bộ hoặc một phần tổng số quyền bầu của mình cho từ 1 đến 3 ứng viên, phần quyền bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ thành viên nào. Tổng số quyền bầu cho các ứng viên cộng lại không được quá quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.
- Không bầu cho ứng viên nào phải có dấu gạch chéo (x) vào ô số quyền bầu của ứng viên đó.
- Số quyền bầu cho mỗi ứng viên có thể khác nhau tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của cổ đông đối với ứng viên đó.



MẪU PHIẾU BẦU HỢP LỆ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
CTY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Ngày tháng 9 năm 2024

PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ (2024-2029)

1. Thông tin của cổ đông tham gia bầu cử :

- Mã số cổ đông :
- Tên cổ đông : Nguyễn Văn Y
- Số cổ phần sở hữu và đại diện : 1.000
- Số TV. HĐQT nhiệm kỳ (2024-2029) : 05 thành viên
- Tổng số quyền bầu : 5.000

2. Phần bầu cử :

Số TT	Họ và tên	Số quyền bầu
1	Nguyễn Văn A	1.000
2	Nguyễn Văn B	1.000
3	Nguyễn Văn C	1.000
4	Nguyễn Văn D	1.000
5	Nguyễn Văn E	x
6	Nguyễn Văn G	1.000
	Tổng cộng (không quá 5.000)	5.000

3. Hướng dẫn:

- Cổ đông có quyền biểu quyết hết toàn bộ hoặc một phần tổng số quyền bầu của mình cho từ 1 đến 5 ứng viên, phần quyền bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ thành viên nào. Tổng số quyền bầu cho các ứng viên cộng lại không được quá quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.
- Không bầu cho ứng viên nào phải có dấu gạch chéo (x) vào ô số quyền bầu của ứng viên đó.
- Số quyền bầu cho mỗi ứng viên có thể khác nhau tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của cổ đông đối với ứng viên đó.

⇒ Phiếu bầu này **hợp lệ** vì:

Tổng cộng số quyền bầu không vượt quá số quyền bầu (bằng đúng 5.000)



MẪU PHIẾU BẦU HỢP LỆ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
CTY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Ngày tháng 9 năm 2024

PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ (2024-2029)

1. Thông tin của cổ đông tham gia bầu cử :

- Mã số cổ đông :
- Tên cổ đông : Nguyễn Văn X
- Số cổ phần sở hữu và đại diện : 2.000
- Số TV. BKS nhiệm kỳ (2024-2029) : 03 thành viên
- Tổng số quyền bầu : 6.000

2. Phân bầu cử :

Số TT	Họ và tên	Số quyền bầu
1	Nguyễn Văn A	4.000
2	Nguyễn Văn B	1.000
3	Nguyễn Văn C	x
4	Nguyễn Văn D	x
	Tổng cộng (không quá 6.000)	5.000

3. Hướng dẫn:

- Cổ đông có quyền biểu quyết hết toàn bộ hoặc một phần tổng số quyền bầu của mình cho từ 1 đến 3 ứng viên, phần quyền bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ thành viên nào. Tổng số quyền bầu cho các ứng viên cộng lại không được quá quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.
- Không bầu cho ứng viên nào phải có dấu gạch chéo (x) vào ô số quyền bầu của ứng viên đó.
- Số quyền bầu cho mỗi ứng viên có thể khác nhau tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của cổ đông đối với ứng viên đó.

⇒ Phiếu bầu này **hợp lệ** vì:

Bầu không quá 6.000 số quyền bầu (chỉ sử dụng có 5.000 quyền bầu)



MẪU PHIẾU BẦU KHÔNG HỢP LỆ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
CTY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT

Ngày tháng năm 2024

PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ (2024-2029)

1. Thông tin của cổ đông tham gia bầu cử :

- Mã số cổ đông : XXX-000
- Tên cổ đông : Nguyễn Văn X
- Số cổ phần sở hữu và đại diện : 2.000
- Số TV. BKS nhiệm kỳ (2024-2029) : 03 thành viên
- Tổng số quyền bầu : 6.000

2. Phần bầu cử :

Số TT	Họ và tên	Số quyền bầu
1	Nguyễn Văn A	5.000
2	Nguyễn Văn B	500
3	Nguyễn Văn C	500
4	Nguyễn Văn D	500
	Tổng cộng (không quá 6.000)	6.500

3. Hướng dẫn:

- Cổ đông có quyền biểu quyết hết toàn bộ hoặc một phần tổng số quyền bầu của mình cho từ 1 đến 3 ứng viên. phần quyền bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ thành viên nào. Tổng số quyền bầu cho các ứng viên cộng lại không được quá quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.
- Không bầu cho ứng viên nào phải có dấu gạch chéo (x) vào ô số quyền bầu của ứng viên đó.
- Số quyền bầu cho mỗi ứng viên có thể khác nhau tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của cổ đông đối với ứng viên đó.

⇒ Phiếu bầu này **không hợp lệ** vì:

Bầu quá số quyền bầu (sử dụng đến 6.500) trong khi quyền bầu chỉ có 6.000.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT (DLR)
DALAT REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: 25 – Trần Phú - Phường 3 - Tp.Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng

* Điện thoại: 0263.3822243

* Fax: 0263.3821433

* Website: dalatreal.com.vn

* E-mail: dalatrealjsc@dalatreal.com.vn



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN 2024 & NHIỆM KỲ 2024-2029

Mã cổ đông:

THẺ BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông :

Số cổ phần sở hữu : CP

Đà Lạt, ngày 18 tháng 9 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT (DLR)
DALAT REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
VÀ NHIỆM KỲ (2024-2029)**

PHIẾU BIỂU QUYẾT

MÃ CỔ ĐÔNG:

Họ và tên cổ đông:

Tổng số lượng cổ phần đại diện (Sở hữu và được ủy quyền):cổ phần

* CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT THÔNG QUA (Đánh dấu "X" vào ô chọn):

Số TT	NỘI DUNG	Ý kiến biểu quyết		
		Tán thành	Không tán thành	Ý kiến khác
01	Miễn nhiệm, bầu thành viên HĐQT, BKS.			
02	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và hết nhiệm kỳ.			
03	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017-2023 và kế hoạch năm 2024 của Ban Tổng giám đốc.			
04	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty			
05	Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS.			
06	Thông qua tờ trình chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2024.			
07	Tờ trình về phê duyệt Phương án vay, huy động vốn và Quyết định đầu tư Dự án..			

Hướng dẫn: Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn **MỘT** trong các phương án: Tán thành, Không tán thành, Ý kiến khác cho từng nội dung biểu quyết.

Đà Lạt, ngày 18 tháng 9 năm 2024

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐÀ LẠT (DLR)

Địa chỉ : 25 Trần Phú - Phường 3 - Đà Lạt - Điện thoại : 02633.822243 – Fax: 02633.821433
Website: dalatreal.com.vn - E-mail: dalatrealjsc@dalatreal.com.vn



PHIẾU ĐÓNG GÓP Ý KIẾN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

Kính gửi: Quý Cổ Đông

- Nhằm giúp việc tổ chức đại hội cổ đông thường niên được chu đáo, kính đề nghị cổ đông tham gia đóng góp ý kiến bằng văn bản và gửi về Công Ty trước ngày 13/9/2024 theo địa chỉ:

- Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt
- Địa chỉ : 25 Trần Phú - Phường 3 - Thành phố Đà Lạt.
- Số điện thoại: 02633 822243
- Email: hdqt@dalatreal.com.vn .

Sau khi tổng hợp ý kiến đóng góp, HĐQT sẽ giải trình cho Quý cổ đông tại ngày đại hội.

PHẦN Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Tên cổ đông / Tổ chức:

CCCD/HC/GĐKKD số:.....Cấp ngày:tại:

Địa chỉ thường trú :

Điện thoại:Fax:

Đang sở hữu cổ phần

NỘI DUNG GÓP Ý:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Cổ đông/ Tổ chức

(Ký tên/ đóng dấu)